NĂM THỨ TƯ — Số 150 Thứ năm 13 Juillet 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Một quyển sách Xã-hội Việt-nam — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đại-nam dật sự (XXXVI): Ngô-vương-Quyền — *Ứng-hòe*
* Từ bốn năm mươi năm về trước... (I) — *Tam-Giác*
* Đáp ông Bế Lãng-Ngoạn — *Hoa-Bằng*
* Các nhà văn phải để ý đến chính tả — *Từ-ngọc*
* Hội khuyến học Cần thơ (I) — *Nguyễn-văn-Kiết*
* Qua đèo ngang — *Việt-Lan (Bắc-ri)*
* Ba người thợ cần mẫn (I) — *Lê-Thanh*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXVI) — *Ứng-hòe*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LVIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* An-Tư, tiểu thuyết (III) — *Nguyễn-huy-tưởng*

0$50

MỘT QUYỂN XÃ-HỘI VIỆT-NAM

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tạp chí *Văn Mới* số 34 35, ra ngày 25 tháng tư và tháng năm tây vừa rồi, có đăng quyển *Xã-hội Việt-nam* của ông Lương-đức-Thiệp, sách dày 432 trang theo khổ giấy thường, in trong tủ sách « Tân-văn-hóa ».

Mới đọc qua vài bốn chục trang trên, đã thấy nhầm lẫn nhiều lắm; tác giả lại hay gán tục nước ngoài làm tục nước mình!

Như trang 23 có câu: « Trong xã hội thị-tộc Mẫu-hệ, quyền gia-trưởng quy cả vào tay một người đàn bà có cả một bầy con khác bố sống chung dưới một nếp nhà. Người đàn bà được quyền chung chạ với nhiều người đàn ông (?)». Ông thấy sách nào chép xã-hội ta ngày xưa như thế? Các nhà chuyên-khảo về xã-hội-học, như ông Jean Brunhes (làm bài *Chez les primitifs de l'Indochine centrale*), Ông Marcel Ner (làm bài *Au pays du droit maternel*) đều nói ở Đông-dương chỉ có vài tộp dân Mọi ở phía nam Trung-kỳ, như mọi Ra-đê, mọi Churu, v. v., là theo chế-độ Mẫu-quyền, nhưng không nói «chung chạ» như ông Lương-đức Thiệp. Ở bán-đảo Mã-lai và mấy vùng xung-quanh cũng có dân theo chế-độ Mẫu-quyền, nhưng cũng không thấy chép « Người đàn bà được quyền chung chạ» (De Moubray, *Matriarchy in the Malay Peninsula and neighbouring countries*). Thế là không những sách ta sách tàu, cả đến sách tây, cũng không có quyển nào chép xã-hội ta ngày xưa như thế, chỉ có ông Lương đức Thiệp xem sách không hiểu, hoặc không biết so-sánh, nên mới bịa ra mà nói. Chính chữ mẫu-quyền, ông cũng không rõ nghĩa. Tự ý chỉ cố ép cho « dân thái-cổ » (peuplades primitives) cho đàn-bà nhiều quyền hơn đàn ông: gia-tài thì đàn-bà được quyền chia chứ không phải đàn ông, mà các con đều theo họ mẹ, chứ không theo họ bố, coi có thế thôi, chứ không nói « người đàn bà được quyền chung chạ ». Chế-độ « nhất thê đa phu » ở Tây tạng mới có, mà dân Tây-tạng sở-dĩ có phong-tục ấy, cũng vì hoàn-cảnh bắt buộc, chứ không phải « được quyền ». Phàm những phong tục như thế, phải xem sách nào chép cẩn-thận mới rõ được, như sách của ông Robert Lowie (*Traité de sociologie primitive*), ông Lucien Lévy-Bruhl (*Mentalité primitive*, v. v.).

Đã không hiểu mẫu-quyền là gì, mà dám nói người đàn bà ta ngày xưa « được quyền chung chạ»! Đối với các bậc anh-hùng cả nước tôn-sùng cũng nói nhiều câu càn-rỡ như thế! Trang 42, tác-giả nói rằng: « Như ngọn lửa, trước khi tắt-bẩn, còn bùng lên một lần chót, những lực lượng đang tàn của thị tộc mẫu hệ Việt-nam vùng dậy để kết tinh (!) trong hai người đàn bà, hai lực lượng còn sót của chế độ mẫu hệ đã nghiêng lay đến tận nền tảng: Trưng-Trắc và Trưng-Nhị ». Tác-giả xem ở sách nào mà nói bậy đến như thế? Các Sử đều chép Hai bà là con gái quan Lạc-tướng Mê-linh. Bà Trưng-Trắc lấy chồng là ông Thi-Sách, là con quan Lạc-tướng Chu-diên. Thứ-sử Giao-chỉ bấy giờ là Tô-Định, làm người tham bạo, nên Hai bà khởi binh đánh đuổi về Tàu, lấy lại Lĩnh-nam, tự lập làm vua. Được ba năm, bên Tàu sai Mã-Viện sang đánh. Hai bà thua lui về Cấm-khê, rồi mất dân ta cảm công ơn lập đền thờ. Các nhà làm sử từ xưa đến nay đều khen Hai bà là bậc anh-hùng khởi xướng lên quyền tự-chủ cho nước ta, tuy là thời-thế không gặp, hưởng nước không được bao lâu, nhưng đến lòng khởi nghĩa thì thật là những vị Nguyên-soái dựng lá cờ đầu trên nền độc-lập. Hiện có nhiều làng thờ, mấy năm trước đã lấy ngày giỗ làm ngày kỷ-niệm cho cả nước. Thế mà tác-giả dám nói Hai Bà là ngọn lửa mẫu hệ đã gần tàn, và lại nói Mẫu-hệ có « quyền chung chạ với nhiều người đàn ông »! Nói bậy đến thế mà có người đem ra in, thì lạ thật!

Không những chép Hai Bà Trưng, chép cả Bà Triệu nữa, nhưng trang 46 có câu: « Lần này lại cũng như lần trước, cuộc nổi loạn chống lại người Tàu, cũng lại do một người đàn bà chỉ huy. Triệu-Âu, một đại biểu và một viên kiện tướng cuối cùng của chế độ thị tộc Mẫu hệ Việt-nam (?), đã chạt (!) đổ hẳn dưới kinh tế nông nghiệp đã tới thời toàn thịnh.»

Có phải là càn-rỡ không? Các sử đều chép Bà Triệu là người quận Cửu-châu, thấy

dân ta bị người Tàu áp-chế nên nổi lên để đánh lại, cũng mong theo gương Hai Bà Trưng để cứu dân ra khỏi vòng lao lung; nên đến lúc mất, dân cũng lập đền thờ. Sử-thần thường khen Bà Triệu là Bà Trưng thứ hai. Thế mà tác-giả dám nói Bà Triệu là đại-biểu, là kiện tượng của chế độ Mẫu-hệ Việt nam! Thật là bậy bạ bết sức!

Chép chuyện đã không đúng, ý nghĩ lại thiên lệch, có lẽ chưa người nào viết những câu như thế, mà dám nhận là « khảo » với « luận »! Lại còn một điều này nữa: phàm chép chuyện đàn bà, con gái, cần phải kiêng-kị những chữ « bệnh tự » như trong chuyện Bà Trưng của ông Thiệp có câu « Kết tình trong hai người đàn bà » và chữ « lực lượng ». trong chuyện Bà Triệu có chữ « chụ » v. v., đều là những chữ đã là người biết cầm bút thì không ai viết vào chuyện đàn-bà.

Bấy nhiêu câu cũng đủ biết nội-dung quyển *Xã hội Việt nam*; dáng lẽ không phải nói nữa, nhưng vì nhiều chỗ sai quá, mà toàn là chỗ quan-hệ, nên phải chữa mấy câu nữa làm thí-dụ như trang 29 có câu: « Không hiểu nguyên do mọi hiện tượng, không nhận được mối tương quan, giữa các lực lượng thiên nhiên tác động ra sao, người Việt nam xưa chỉ còn biết cầu hòa, lạy lục hay van lơn, cũng như họ (!) đã lạy lục và van lơn viên tù trưởng khi họ (!) nhỡ phạm vào điều cấm kỵ của bộ lạc, hay

Thống chế Pétain đã nói:

Thất bại trong những trận giao tranh oanh liệt và đứng một mình trước số mệnh khắt khe, nước Pháp ở trong những trường hợp ấy đã tự kiếm lấy lý do để tàng lòng quả cảm và gìn giữ sự tin tưởng ở tương lai

quỳ lạy trước kẻ đã chiến thắng họ (!) ». Ai xem cũng phải bảo ông Lương đức Thiệp là người nước khác, chứ không phải người nước ta; nếu không thế sao lại gọi người đời xưa là « họ »?. Còn về sự « lạy lục và van lơn » thì không cứ ở đâu, nước nào cũng có tục ấy: Khi cầu nguyện thần thánh việc gì, cũng có quì có lạy; tục-ngữ ta thường nói: « Có sự thì lạy tứ phương, vô sự đồng hương không mất », đó là thông tục cả thiên hạ, chứ có phải riêng một dân nào.

Ai đọc đoạn sách của ông Thiệp cũng phải cho dân ta ngày xưa hèn lắm.

Tác giả lấy ở đâu mà bảo dân ta thấy người thắng trận thì lạy van? Không nói đến chuyện Bà Trưng, Bà Triệu vừa mới kể, về sau có ông Trần-bình-Trọng đời Trần, bị người Ngô ép bắt được, dụ mãi không chịu hàng, khi người Tàu sắp giết ông còn nói: « Thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vua nước Tàu », — lại ông Lê-Quýnh theo vua Chiêu-thông sang Tàu, người Tàu lừa ông cắt tóc, Ông còn nói rằng: « Đầu có thể đứt, tóc không thể cắt được »! Xem những chuyện ấy thì ai là « người quì lạy trước kẻ chiến-thắng »?

Đàn chỗ dẫn mấy tên người Tàu đời xưa (ông sai. Như trang 35, ông nói « Tam Hoàng và Tứ Đế.., trừ Đế Thuấn có cha là Cổ Tẩu, đều không biết cha là ai, phải theo họ mẹ. Dở quyển *Thiếu-vi thông-giám*, tức ta gọi là *Sử thượng*, trẻ con ngày xưa vẫn học, thì thấy chép: Hoàng-đế là con vua nước Hữu-hùng, tức là nước Chư-hầu đời bấy giờ « *Ngũ đế ngoại-kỷ*, tờ 26 b), Chuyên Hức họ Cơ, ông nội là Hoàng-đế, cha là Xương-ý (*Ngũ-đế ngoại-kỷ*, tờ 32b), Đế-Cốc họ Cơ ông nội là Thiếu-hiệu, cha là Kiều-cực (tờ 34a), Đế-Nghiêu là con Đế Cốc (tờ 36a), bốn ông vua đều có ông có cha, thế-hệ rõ ràng tác-giả căn cứ vào đâu mà bảo bốn ông vua ấy không có cha?

Đấy là nói về sách Tàu, đến sách Tây tác-giả cũng nhầm như thế ở trang 27 có câu: « Tiền-cá h sinh hoạt này, phát sinh ra chế độ tô tem, lấy một con thú, một thứ cây (?) một dụng cụ (?) làm biểu hiệu chung cho cả đoàn thể ». Dở tự-vị ra xem, thì tự vị nào cũng chua nghĩa totem là « vật tổ sùng-bái » chứ không phải thứ cây và dụng-cụ: các đồ vật ấy đã có tên riêng là « bái vật giáo » (fétichisme); tác-giả không xem sách tôn-giáo, chỉ tra tự-vị nên lẫn chữ « vật-tổ sùng-bái » với chữ « bái vật-giá » thì có biết đâu là gì

Xem tiếp trang 17)

ĐẠI-NAM ĐẠT-SỰ

Số 35

Ông-hòa NGUYỄN VĂN-TỐ

XXVIII — Ngô vương Quyền
(*bài nối*)

Giặc ngoài đã dẹp yên, trong nước không thể không có vua bậc đại anh-hùng giết Công-Tiễn, đánh Hoằng Tháo, là Ngô Quyền, lúc bấy giờ dẫu muốn lui về nghỉ ngơi một chỗ cũng không thể được, nên mới xưng vương, đặt kinh đô ở Cổ Loa (tức là Kinh-đô cũ của Thục An dương vương). Lập họ Dương làm hậu, (họ Dương tức là con gái Dương đình-Nghệ) Đặt trăm quan, chế ra nghi-tiết trong triều, định việc phụng sắc: các việc làm vào năm kỷ-hợi 939.

Đến năm 944. Ngô-vương Quyền mất, làm vua được sáu năm

Sử-thần Ngô sĩ-Liên khen rằng: « Ngô-Quyền sở dĩ dấy lên vương-nghiệp, không những chỉ có công chiến thắng mà thôi; vậy như việc đặt trăm quan, chế ra nghi tiết chốn triều-đình, định việc phụng sắc, thì cái quy-mô đế vương, cũng đã gần đủ, thế mà hưởng nước chưa lâu cho nên chưa thấy hiệu quả chính-trị, đáng tiếc thay! »

Sử thần Ngô-thời-Sĩ có bài tán rằng: « Ngô-vương giết nội-tặc (giặc trong nhà hoặc trong nước) để phục thù cho chủ, giết ngoại-địch (giặc ở ngoài đến) để thư nạn nước; dựng nước đem lại chính-thống, công-nghiệp rõ rệt » (*Khâm định Việt sử*, tiền biên, q 5, tờ 20 a và 21 a).

Ngô vương Quyền trên nối nghiệp Hồng-bàng, dưới mở nền cho Đinh, Lê, thực là một bậc anh kiệt « quang tiền dụ hậu » của nước Việt ta, dạy có việc gửi con nhỏ cho em vợ, thì đối với câu « trí nhân tắc triết = Biết người là bậc minh triết » thực là khó thay!

Nguyên khi Ngô vương-Quyền bệnh nặng, dặn chúc cho em vợ là Dương tam Kha (con gái Dương-đình-Nghệ) phụ chính con mình là Ngô-xương-Ngập: đến khi Ngô-Vương mất, Tam-Kha cướp ngôi, tiếm xưng là Bình-Vương. Ngô-xương-Ngập sợ bị tai-họa, chạy đến Nam-sách giang (nay phủ Nam-sách) trọ ở nhà Phạm-lệnh-công (cựu thần của Ngô-Quyền) ở Trà-hương (nay là huyện Kim-thành). Tam-Kha lấy con thứ hai Ngô-vương là Ngô xương Văn làm con mình, còn các con thứ là Nam-Hưng Kiền-Hưng hãy còn bé, đều theo Dương quốc Mẫu, được ít lâu Tam-Kha sai chỉ huy sứ Dương-cát-Lợi Đỗ cảnh-Thạc đem binh đến nhà Phạm-lệnh-công để bắt xương-Ngập ba lần đều trở về nói là không được. Lệnh-công sợ, giấu Xương-ngập ở trong sơn-động, Tam-Kha biết, lại sai người đi bắt như trước, kết cuộc vẫn không được (*K. đ.* tiền biên, q. 5, tờ 21 a và b, và *Đ. V. S. K.* tiền biên, q. 7, tờ 7 b).

Lúc bấy giờ có thôn Thái-bình ở châu Phong, không chịu phục những công việc của Dương Tam-Kha, Tam-Kha sai Xương Văn và hai tướng họ Dương họ Đỗ đem quân đánh hai thôn Thái-bình và Đường-nguyễn, quân đi đến Từ-liêm, Xương Văn thông thả bảo hai tướng rằng: « Đức của tiên vương thấm khắp lòng dân, phàm chính-lệnh của tiên-vương ta ban ra, chẳng ai là chẳng vui theo, nay không may bỏ quân thần (tức là chết). Bình-vương làm điều bất nghĩa, dám cướp ngôi của anh em ta, thật là tội lớn! Nay lại sai bọn ta đi đánh những làng không có tội, may mà được thì đã đành, nếu không được, thì làm sao? ». Hai tướng nói rằng: « Chỉ theo mệnh lệnh của vua ». Xương-Văn nói: « Ta muốn đem quân trở về đánh úp Bình-vương, để đem lại cơ nghiệp của tiên-vương, nên không? ». Hai tướng đều khen mưu ấy là phải, rồi đem quân trở về đánh úp Tam-Kha; quân chúng muốn giết chết; Xương-Văn nói: « Bình-vương đối với ta có ân không nỡ gia-hình, bèn giáng làm Trương dương-công (sở dĩ đặt Trương dương là vì có bến đò Chương-dương, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông) nhân cho thực-ấp (ấp ăn lộc) ở vùng ấy. Tam-Kha tiếm ngôi từ năm 945 đến năm 951, sáu năm.

Thế là từ năm tân-hợi (951), Xương-Văn lấy lại được ngôi vương; xưng Nam Tấn-vương tức là Hậu Ngô, sai sứ đón anh là Xương-Ngập ở Trà-hương về kinh-sư cùng coi việc nước, Xương-Ngập xưng Thiên-sách-vương (*K. đ.* tiền biên, q. 5, tờ 23a và b, và *Đại-Việt sử-ký* tiền biên, q 7, tờ 10a và b).

***

Thứ sử về cuối đời Tam quốc

Nhân có mục *Đại-Nam đạt-sự*, nhiều bạn đọc báo muốn làm một cái bảng kê tên các quan Tàu

sang cai trị nước ta trong thời Bắc-thuộc, viết thư hỏi tôi về tên mấy ông thứ sử và thái-thú.

Lại gần đây, ông Nguyễn văn-Vân làm ở tòa sứ Tuyên-quang muốn biết rõ Đào Uy có phải là con Đào-Hoành không. « Tại trong sử chữ nho chép Đào-Hoành làm quan 30 năm; Đào-Hoành chết, Ngô Ngạn thay, làm được 25 năm thì Cố-Bí sang thay; Bí chết, con là Cố Sâm nối; Sâm chết, em là Thọ muốn làm, thuộc-tướng ở Giao-châu là Lương-Thạc lại đón con Đào-Hoành là Đào-Uy làm thứ-sử: có lẽ Đào-Uy đã già lắm thì phải. » Nay xem lại sách nho như sau này: Nhà Ngô cho Đào-Hoành làm thái-thú quận Thương-Ngô tháng 11 năm kỷ-sửu, 269, tức là năm thứ 1 hiệu kiến-hành của Tôn-Hạo, năm-thứ 5 hiệu Thái-thủy của Tư-mã Viêm) (*Khâm-định Việt sử tiền biên*, q. 3 tờ 12a; *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, q. 4, tờ 7b và *Tấn thư*, q. 57, tờ 4a).

Đến năm thứ 3 hiệu Kiến-hành (271) vua Ngô thăng cho Đào-Hoành làm thứ-sử châu Giao (*K. đ. tiền-biên*, q. 3, tờ 14a; *Đại-Việt sử-ký tiền biên*, q. 4, tờ 10a và *Tấn thư*, q. 57 tờ 4 a).

Năm thứ 1 hiệu Thái-khang nhà Tấn (280) Đào-Hoành hàng theo nhà Tấn (*K. đ.* q. 3, tờ 15 b, *Đại-Việt sử-ký*, q. 4, tờ 10b và *Tấn-thư*, q. 57, tờ 4b).

Các sử ta đều chép « Đào-Hoành ở châu 30 năm » (tại-châu tam thập niên), thế là tính từ năm Đào Hoành làm thứ-sử (271) đến năm 301. Nhưng *Tấn-thư* (q. 57, tờ 5a) chép: « ở phía nam 30 năm » (tại nam tam thập niên). Thế thì phải tính từ năm Đào Hoành sang làm thái-thú Thương-Ngô (269) (tức là ở nam) mới đúng. Vậy thì đến năm 299 là 30 năm.

Sử ta sử Tầu đều chép rằng; « Đào-Hoành mất, Tấn vũ-đế cho chức viên-ngoại-lang tán-kỵ thường-thị là Ngô-Ngạn làm thứ sử (*K. đ.*, tờ 16b. *Đại việt sử-ký*, q 4. tờ 11b và *Tấn thư*, q. 57, tờ 5a và 6a)

Các sử ta như *Khâm định* q. 3, tờ 17 a), *Sử ký tiền biên* (q. 4, tờ 11 b), *Sử-ký toàn thư* (q. 4, tờ 7 a), đều chép: « Ngô-Ngạn làm quan hai mươi nhăm năm, ân-oái rối-rệt, trong châu được yên, tự dâng biểu xin người sang thay. Vua Tầu cho Cố Bí sang thay. Xem đến sử Tầu như *Tấn thư* (q. 57, tờ 6 a) thì chép: « ở chỗ làm quan hơn hai mươi năm, trong châu yên ổn ». Thế là hơn hai mươi năm, chứ không phải hai mươi nhăm năm.

Sử ta như *Sử ký tiền biên* (q. 4, tờ 11b), *Sử-ký toàn-thư* (q. 4, tờ 7a) đều chép « Cố-Bí là người thuần nhã, cả châu yêu mến, không được bao lâu Cố Bí mất (vì kỷ, tố); người trong châu ép con Cố Bí là Cố Sâm làm việc châu Giao, Sâm hèn mắt (Sâm tầm tốt). Em Cố-Sâm là Cố-Thọ tính việc châu Giao, người trong châu không nghe. Thuộc tướng là Lương-Thạc cũng muốn làm, sợ dân không nghe, bèn đón Đào Uy là con Đào Hoành đang làm thái thú châu Thương ngô.

Cứ như vậy thì Đào Uy là con Đào Hoành cũng chưa lấy gì làm già, cho là Đào Uy sinh từ năm Đào Hoành mới sang nam, thì Đào Hoành 30 năm, Ngô Ngạn hơn hai mươi năm, tức là hơn 50 năm, còn Cố Bí thì chưa được bao lâu, Cố Sâm thì mất ngay tính cho mỗi người hơn một năm nữa, tuổi Đào Uy cũng độ hơn 53 tuổi. Huống chi ngày xưa bốn mươi tuổi mới ra làm quan, vậy thì hơn năm mươi tuổi đã lấy gì làm già. Vả lại xét ở dưới này, Đào Hoành làm quan chỉ có hai mươi năm: thế thì Đào Uy mới hơn 43 tuổi.

Ông Nguyễn văn-Vân lại hỏi câu này nữa: « Lương-thạc đã đón Đào-Uy, sao lại còn tự lập làm thứ-sử? — Đào-Khản đã sang làm thứ-sử, sao lại còn những viên thứ-sử. Đào-Uy, Đào-Thục, Đào-Tuy? »

Đoạn sử này thật là rắc rối, vì cứ kể ngay từ ngày Đào-Hoành làm thái-thú Thương-ngô là năm 269, ở Nam 30 năm, tính ra đến năm 299 Đào-Hoành mới mất. Sử chép khi Hoành mất thì Vũ-đế nhà Tấn cho Ngô-Ngạn thay, Nay xem đến năm 299 không phải là Vũ-đế, Vũ-đế chỉ đến năm 289 là hết. Thế thì Đào-Hoành chỉ làm thứ sử châu giao đến năm 289, tức là 20 năm. Nếu thật Đào-Hoành 30 năm, tức là năm 299 hết Đào-Hoành, Ngô-Ngạn từ năm 299 đến 319. Thế mà năm 318 đã chép chuyện nhà Ngô sai Đào-Khản làm thứ-sử châu Giao! Không có lẽ một lúc mà hai chức thứ-sử, nên theo thuyết: Hoành ở Nam 20 năm, Ngô-Ngạn hơn 20 năm. tức là năm 309 đã hết đời Ngô-Ngạn, Cố-Bí Cố Sâm độ 3 năm nữa, là đến năm 312, từ năm 312 đến năm 319 có Đào-Khản, 7 năm ấy thì Đào-Uy 3 năm, còn 4 năm về Đào-Thục, Đào-Tuy thì vừa phải,

Các sử ta đều chép Đào-Uy làm quan 30 năm, xem *Tấn-thư*

(Tiếp theo trang 21)

Giới thiệu ngoại văn

TỪ HƠN NĂM MƯƠI NĂM VỀ TRƯỚC, một người đã tiên-tri về thế giới bây giờ và thế-giới mai sau

TÂM-GIA

Trước cuộc đại chiến đang gieo bao nhiêu thảm-khốc, đến nỗi lòng người se lại mà lương-tâm người cũng ngập-ngừng, ai người chúng ta cũng muốn chong lại trông thấy ngày thanh-bình. Ngoài những nhà cầm đầu các nước dự chiến, những bậc đại-tri, là những người hoặc có tài-liệu, hoặc có sáng suốt để biết trước cuộc chiến tranh sẽ đến đâu, phần đông chỉ có một câu hỏi đem lăn đi lăn lại trong đầu : chiến-tranh bao giờ kết-liễu ? Thế giới sẽ ra sao ? Cố nhiên mình hỏi mà không ai trả lời được bắt đầu từ mình. Thế rồi người ta mò ra bằng hết những câu sấm trong đống bụi thời gian, nào của Nostradamus, nào của Trạng Trình, nào trong Kim tự-tháp, nào trong Thánh-kinh của Cơ-đốc-giáo. Người dị đoan tin ; người không dị-đoan cũng chăm chú nghe, cũng để tâm chiêm nghiệm. Dưới đây, tôi cũng xin góp mấy lời tiên-tri của dân Mông-cổ truyền từ ngoài năm mươi năm nay, và biên thuật theo quyển « Bêtes, Hommes et Dieux » của Ferdinand Ossendowski.

Nằm giữa lòng châu Á, từ những sườn núi đầy tuyết ở dãy Tian-chan, từ những dải cát nóng rẫy ở xứ Dzoungarie đến những rừng um-tùm trên đỉnh dãy Cayan, và đến vạn lý-trường-thành, xứ Mông cổ là quê hương của biết bao người đi chinh phục, của các vị cao tăng, của những hung-thần, của những thầy bói, thầy số, nên cũng là xứ sở của Quái-đản và Bí-mật.

Đối với lời tiên-tri ấy, xin các bạn chỉ dành cho một giá trị tương-đối thôi, cái giá trị một câu sấm. Nhưng thiết tưởng ta nên suy nghĩ về sự tin tưởng của dân Mông cổ. Cả sự tin tưởng của họ chỉ là một không tưởng. Ferdinand Ossendowski từng đã hỏi người đủ các giới ở Mông cổ, từ bác mã-phu đến nhà cầm quyền, qua các lạt-ma và hoạt phật. Đâu đâu người ta cũng kể cho ông nghe với một giọng khiêm nhường nghe không dám để lộ chút hoài nghi. Nghĩa là sự tin rằng có một nước, có một quốc vương ở dưới đất sẽ làm bá chủ vũ trụ, đã trở nên một thực tại có ảnh hưởng ra ngoài lãnh vực tôn giáo. Sự tin tưởng ấy sẽ có thể là một nguyên động lực để đưa cả các bộ lạc của trung tâm Á châu trào sang miền Tây. Trong đoạn chót cuốn ký ức « Bêtes, Hommes et Dieux », tác giả, tưởng như trông thấy cờ của Thành cát tư hãn cùng vô vàn chiến sĩ rầm rộ trong cuộc Tây tiến, đã viết : « Có lẽ Luân hồi đã mở một trang mới trong lịch sử. Mà rồi sẽ ra sao nếu họ tin tưởng rằng Chúa tể thế giới sẽ cùng đi với họ ? ».

T. G.

Toàn-thể dân Mông-cổ tin rằng có một nước ngầm dưới đất, nước Agharti, và vị chúa tể nước ấy, cũng là chúa tể muôn loài, cao-cường pháp-thuật, cầm vận-mệnh các dân-tộc trong tay.

I. — Nước Agharti

Cách đây hơn sáu nghìn năm, một thánh nhân cùng cả một bộ-lạc chui xuống đất biến mất và chưa hề tái-hồi nhân-gian. Trái lại họ ở dưới ấy, lập thành một nước, dân Mông-cổ gọi là nước Agharti.

Nước ấy ở chỗ nào? Nhiều người đã từng đến thăm, nào Thích-ca mâu-ni, nào mấy vị lạt-ma danh-tiếng ở Mông-cổ như Paspa, sáng-lập ra Hoàng-giáo, nào Undur-Gegheen, vị Phật sống đầu tiên của Mông-cổ. Dù vậy, chưa ai biết nơi ấy là đâu. Kẻ thì bảo ở A-phú-hãn, kẻ lại rằng ở Ấn-độ. Thân-vương Choultoun Beyli, tỉnh-trưởng tỉnh Ouliassoutaï (Mông-cổ), cũng là một nhà ái-quốc nổi danh của Mông-cổ trong hồi cướp lại nền độc-lập vào khoảng năm 1920-1921, nói rằng nước Agharti gồm khắp các đường ngầm của tất cả thế-giới. Một lạt-ma thông-thái người Trung-hoa cho những động những hang ở châu Mỹ đều gồm vào lãnh-thổ của dân-tộc xưa đã biến vào lòng quả đất, hiện nay trên mặt đất còn di-tích.

Có người bảo lối vào ở quanh hồ Nogan Kul (Mông-cổ). Do đường ấy, một người đi săn, ngày xưa, đã vào đến nước Agharti ; lúc trở về dương-thế, bắn kể lại những điều mắt đã thấy. Cát lạt-ma liền cắt lưỡi hắn, cho khỏi tiết-lộ điều bí-mật nhất trong các bí-mật. Dù vậy, ký-ức đã ghi sâu cuộc hành-trình đã huyễn-khoái tâm lòng du-

mục, nên tới lúc vãn-niên hẳn lần lại lối xưa mà biến mất.

Nhưng những chi-tiết khác, không thuộc về vị-trí, của nước Agharti, người ta lại rõ lắm. Đó là một nước lớn, dân số bằng bao nhiêu triệu. Người nước đó không biết ác là gì mà tội-lỗi cũng không có trong nội-địa; họ yên vui sống ngoài vòng diệt-lệt. Các hang, các động đều có một ánh sáng riêng nhờ đấy cốc-loại, cây cỏ mọc được, và mọi người sống lâu, không bệnh tật. Dân gồm nhiều giống, nhiều bộ-lạc. Có lần một cao-tăng ở nước Népal, y lời Phật truyền, sang thăm nước Tiôm-la; ngài đang đi, bỗng gặp một ngư-phủ ra lệnh cho ngài xuống thuyền rồi cả hai cùng ra khơi. Thuyền đi được ba ngày thì đến một hòn đảo quái-dị: thổ-dân là một giống người có hai đầu, có thể cùng một lúc nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Họ chỉ cho xem những con vật cũng phi-thường: rùa mười sáu chân và một mắt; rắn cực to ăn thịt được mà lại ngon; chim có răng, biết bắt cá cho chủ. Họ nhận vốn người nước Agharti, đoạn lại tả cảnh một vài vùng.

Kinh-đô Agharti ở giữa những thị-trấn mà dân-cư là các đại-hòa-thượng và các nhà bác-học, y như cung Potala của Đạt-lại lạt-ma ở Lhassa (Tây-tạng) xây trên sỉnh một ngọn núi đầy-đặc đền-đài, tinh xá.

Trong nước Agharti, có hai giai-cấp tài giỏi nhất. Trước hết là giai-cấp các vị Panditas, có hai triệu người. Các vị này tức là những thần giáng thế, ngụ hầu quanh chúa-tể Thế-giới. Sau là giai-cấp các Goros.

Các vị Goros nắm trong tay hết thảy những sức mạnh hữu-hình và vô-hình của nhân-gian, của âm-phủ, của thiên-đình. cố-nhiên là thừa định-đoạt cái sống cái chết của con người. Giả-sử nhân-loại điên-cuồng tương-tàn tương-sát trong cuộc chiến tranh, các vị Goros có thể hóa phép cho cồi đất này nổ tung biến làm bãi sa-mạc mịt-mùng. Chỉ một lời hô của một Goro, cây cỏ, bụi tức khắc mọc, người già yếu biến thành trai khỏe mạnh, người chết hoàn sống. Các vị Goros dùng những kiểu xe kỳ-dị, người trần không biết băng băng phồng trong những đường lời chậ, hẹp trong quả đất. Một vài thày tu ở Ấn-độ và trong số các Đạt-lại lạt-mà ở Tây-tạng có vị từng đã được đi đến những núi đá chưa hề có chân người đặt, và nhận thấy có chữ khắc vào đó, có vết chân in trên tuyết, có vết bánh xe qua.

Còn các vị Panditas chuyên khảo-cứu về thế-giới và các sức mạnh trong thế-giới. Đôi khi những bậc thông-thái nhất trong họn cùng nhau họp rồi phái đại-biểu đến một nơi con mắt phàm trần chưa thấu tới. Những Panditas cao cấp thì hợp lực với các vị Goros để tuyển người sai phái, chọn trong số những hòa-thượng trẻ nhất. Các ngài một tay để lên mắt họ, một tay đặt vào bên trên gáy họ, thôi miên cho họ ngủ, đoạn lấy nước lá rửa thân-thể họ khiến họ không biết đau-đớn là gì, biến họ rắn như đá, lấy vải phép bó lấy họ rồi các ngài tụng kinh cầu Thượng-đế, những hòa thượng trẻ, tuy rắn như đá, nằm dở ra đấy, nhưng mắt vẫn mở, tai vẫn chăm chú, nên họ trông thấy, nghe thấy mà nhớ hết. Đến đây công việc của ngài Pandita xong, một Goro lại gần, nhìn vào người thụ cảm thật lâu. Dần dần người thụ-cảm ngồi dậy rồi biến mất: thế là đã có một người thừa hành trong khắp thế-giới. Tuy đi xa mà vẫn có những đây vô-hình liên-lạc với ý muốn của ngài Goro. Cho nên các ngài cứ việc ngồi, mắt nhìn vào đâu là họ đi đấy. Trong số những tay sai ấy, có người đi khắp các tinh tú để quan sát các việc xảy ra, các dân tộc vị-trí, đời sống và luật-lệ nơi đấy. Họ nghe người ta nói chuyện, đọc các sách, biết trước mệnh-vận, tai-biến.... Có người nhập vào lửa, xem lửa hăng hái và hung. Dữ nung những kim-khí trong ruột các hành-tinh, đun sôi nước ở các phún-tuyền và nhiệt-tuyền, nấu chảy các đá núi để trút xuống mặt đất. Có người chạy theo các nguyên-tử của không-khí để thấu hết những bí-mật và mục-đích sống của chúng. Có người lách xuống đáy bể thăm dò nhận xét song, giò cùng các loài thủy-tộc.

II. — Chúa-tể Thế-giới

Nhưng trên cả các vị Panditas và các vị Goros, thống-trị tám trăm triệu người sẵn-sàng theo mình, là Brahytma, « Vạn vương chi vương », Chúa-tể Thế-giới.

Lúc nào ngài cũng tàng-hình; ngài ngự trong một toà lâu bằng pha-lê rất kỳ-tuyệt. Ngài biết tất cả các sức mạnh trong thế gian, đọc vào tâm-khảm người trần như đọc sách, biết trước mệnh-đồ. Ngài có hai người phù-bật: Mahytma, biết việc vị-lai; và Mahynga, điều-khiển những

(Xem tiếp trang 18)

Về cuốn « Quang Trung » I

ĐÁP ÔNG BỂ LĂNG NGOẠN

HOA-BẰNG

Quang-Trung mới ra tập I. Còn tập II độ hơn 300 trang, hiện đang in chừng sang tháng tám tây này thì ra trọn bộ.

Vì vạn bất đắc dĩ mới phải chia làm hai tập, nên ông Ngoạn chưa được thấy bảng kê những sách báo tham khảo ở cuối.

Sách còn tiếp ông Ngoạn đã quá yêu, vội-vàng phê-bình trên báo *Quốc gia* (số 2, trang 16 17) Tôi rất cảm ơn cái « nhã ý » ấy.

Đoái, trước tôi đã có mấy người viết về Nguyễn Huệ, nhưng xin hỏi: suốt hơn 200 trang trong *Quang Trung* tập I, ông có nhận thấy tôi đã viết khác hẳn những người trước không?

Biết bao nhà văn Pháp viết về *Nã phá luân thứ nhất*, nhưng mỗi người đứng một phương-diện, có một quan-điểm, nào ai đã giống ai?

***

Những tài-liệu mà ông Ngoạn muốn dạy đời « dùng để viết những trang sử Quang-Trung » ấy, tôi tiếc, đã chẳng được bao lâu mà trước ông Ngoạn, đã có người liệt kê ở cuối tác-phẩm của người ta (1940) rồi (1).

Chẳng những vậy, ông Ngoạn lại còn « *nói mò* » là khác nữa.

Thưa ông Ngoạn, chẳng hay ông xem ở bộ *Hoàng Việt thi tuyển* nào mà ông dạy nên dùng tài-liệu ở trong đó để viết về Quang Trung? Phần tôi, tôi chỉ được đọc bộ *Hoàng Việt thi tuyển* do Hy-văn đường khắc mộc bản — Tồn-am gia tàng — in năm ất-dậu (1825), niên-hiệu Minh-mạng thứ sáu, nhưng khốn nỗi trong ấy tuyệt không có một bài nào nói về Quang-Trung cả! Chứng cớ: trừ 70 bài ở quyển thứ nhất 102 bài ở quyển thứ hai, 100 bài ở quyển thứ ba, 132 bài ở quyển thứ tư và 99 bài ở quyển thứ năm toàn là những thơ mà Tồn-am Bùi Huy-Bích nhạ. lượm của các biền quan, trong tướng, danh nho, cự công từ đời Lý đến đầu đời Lê Cảnh-hưng (trong một thời gian từ năm 1019 đến 1740), thì cố nhiên là chưa có một bài thơ nào định-đáng đến việc Quang-Trung cả. Mà ngay đến quyển thứ sáu, có 59 bài của những nhà thơ ở vào khoảng giữa đời Cảnh-hưng (tức là vào khoảng 1755 — 1775, vì niên-hiệu Cảnh-hưng bắt đầu từ 1740 đến 1786) cũng chẳng hề có một bài nào có thể dùng làm tài-liệu để viết về Quang-Trung được.

Đến chỗ ông Ngoạn dạy lấy tài-liệu ở *Đại Nam* **tiền biên** *liệt truyện* để viết về Quang-Trung, tôi lại càng ngạc nhiên hết sức. Vì bộ *Đại Nam liệt truyện* có chia làm **tiền biên** và **chính biên** khác nhau. Tôi thấy trong *Đại Nam* **chính biên** *liệt truyện* sơ tập, quyển 30 có chép về « *Ngụy* » *Tây liệt truyện* như truyện *Nguyễn Văn Nhạc*, truyện *Nguyễn Văn Huệ* và truyện *Nguyễn Quang Toản*, là những nguồn tài-liệu rất phong-phú. Thế sao ông Ngoạn không biết tới mà chỉ kể đến **Tiền biên** là sách chỉ phớt qua ít câu về việc Tây-sơn như ở trong truyện *Trương Phúc Loan* chẳng hạn?

Lại thấy ông Ngoạn dạy lấy tài-liệu ở **Lữ trung tùy bút**, tôi càng kinh ngạc vô cùng. Vì tôi, trong tầm mắt hẹp-hòi, chỉ biết có **Vũ** *trung tùy bút lục* của Tùng-niên Phạm Đình-Hổ hoặc *Lữ trung* **tạp thuyết** của Tồn-am Bùi Huy Bích.

Nếu là *Lữ trung tạp thuyết*, thì trong ấy tác giả Tồn-am nào có nói gì đến vua Quang-Trung, ngoài những tư-tưởng vặt, những luận thuyết ngắn về chính kiến hoặc về đức dục, chẳng hạn:

« *... vừa được khen một chút đã vội tưởng không ai bằng mình, không biết lực lượng, táo bạo làm liều lĩnh ...* » (*L. T. T. T.*, tập trên);

và:

« *... những lối văn học mót, lấy cấp ở trường thi lại càng chẳng phải là thứ người xưa gọi là văn nữa!* » (*L. T. T. T.*, tập dưới).

Thế thì có dính-líu gì đến Quang Trung, nếu ông Ngoạn biết đúng là *Lữ trung tạp thuyết*? Huống chi ông lại dạy là **Lữ trung tạp bút**: chắp đầu của Tồn-am vào chân của Tùng-niên! Thật là một chuyện râu ông, cằm bà, đầu ngô, mình Sở!

Ấy đó, nhà đại văn hào, đại học giả của chúng ta, Ngoạn tiên-sinh, dạy đời dùng tài liệu trong những sách tưởng-tượng để viết về Quang Trung như thế đấy!

***

Ông Ngoạn lại dạy có « một vị cố đạo cũng đã chép chuyện Tây-sơn khởi nghĩa » ở trong bộ *Nouvelles Lettres édifiantes* (ông lại quá cẩn-thận nói cả « in tại Paris năm 1818-1823 »), nhưng tiếc rằng, trước ông, Ứng-hòe tiên-sinh đã nói trên tờ *Tao-đàn* rồi! (*Tao-đàn*, số 1, ngày 1er mars 1939, trang 21).

Tiện đây, tôi xin trích lục những câu « của » ông Ngoạn đã « ám hợp » với văn của cụ Ứng-hòe để các bạn đọc thân mến tiện bề so-sánh:

« ... *sử học cũng là « cái học ước-lượng, dựng-thành rồi lại phá-vỡ », nhưng phải nhớ rằng không phải là một khoa thực-nghiệm, cốt có phương pháp thì thôi* ... »

Ứng-hòe Nguyễn Văn-Tố
(Tao-đàn, *số 1, ngày 1er mars 1939, tr. 21*)

« ... *sử-học » chỉ là « học ước lượng, dựng thành rồi lại phá vỡ »; « sử học » không phải là một khoa thực-nghiệm, « Viết sử » chỉ cần nhất có phương pháp mà thôi* ... »

Bế Lãng-Ngoạn
Chủ bút kiêm quản-lý báo Quốc gia
(Quốc-gia, *số 2, ngày 30 juin 1944, tr. 16*).

***

« ... *những cố-đạo người Pháp có chép một vài truyện Tây sơn khởi nghĩa trong bộ Nouvelles Lettres édifiantes in tại Paris năm 1818 — 1823..* »

Ứng-hòe Nguyễn Văn-Tố
(Tao-đàn *số 1, ngày 1er mars 1939, tr. 21*).

« *Trong bộ Nouvelles Lettres édifiantes (in tại Paris năm 1818-1823) một vị cố đạo cũng đã chép chuyện Tây-sơn khởi nghĩa* ... »

Bế Lãng-Ngoạn
Chủ bút kiêm quản lý báo Quốc gia
(Quốc-gia, *số 2, ngày 30 juin 1944, tr. 16*).

***

« ... *Một ông cố đạo có viết rằng người Nam theo anh em ông (Nguyễn Huệ chinh chiến trở nên can-đảm hùng-tráng, đánh đâu được đấy, một người địch nổi mười người*... »

Ứng-hòe Nguyễn Văn-Tố
(Tao-đàn, *số 1, ngày 1er mars 1939, tr. 21*)

« *Vị đó (cố đạo) lại thêm rằng: « Nam quân theo anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ chinh chiến đã trở nên can đảm, hùng-tráng, đánh đâu được đấy, một người địch nổi mười người* ».

Bế Lãng Ngoạn
Chủ bút kiêm quản lý báo Quốc gia
(Quốc-gia, *số 2, ngày 30 juin 1944, tr. 16*).

Thật là « trí mưu chi sĩ sở kiến lược đồng », đúng như lời người xưa đã nói.

***

Tôi lại sửng-sốt quá đỗi: không biết ông Ngoạn đã chịu ảnh-hưởng của ông Phan-Trần-Chúc sâu xa đến thế nào, mà ông Chúc viết ở truyện *Ngô-Thì-Nhậm* trong cuốn *Triều Tây-sơn* (Mai lĩnh xuất bản, 1942) rằng: « ... *vua Quang-trung... phá tan hai mươi chín vạn quân của Tôn-Sĩ-Nghị*... » (trang 47), thì ông Ngoạn cũng nói « *Nguyễn Huệ đã.. chiến thắng 29 vạn quân Tôn sĩ Nghị* » (*Quốc-gia*, số 2, ngày 30 Juin 1944, tr. 16). Có điều đáng chú ý là một đằng viết toàn chữ, một đằng viết bằng con số.

Nhưng thưa ông Ngoạn, trong *Đại-Nam chính-biên* (chứ không phải là Tiền biên như ông Ngoạn đã dạy) *liệt truyện* sơ tập, quyển 30, tờ 30 b chép có **20 vạn** thôi ạ! Nguyên văn ấy đây: « Nhị tộc phụng chiếu suất Lưỡng Quảng, Vân, Quý lưỡng lộ binh nhị thập vạn... » Nghĩa là Ngô phụng vâng chiếu-chỉ đốc suất **hai mươi vạn** binh ở hai lộ thuộc Lưỡng Quảng và Vân, Quý..

***

Đó, các bạn coi, ông Ngoạn, trong một bài báo, vẻn-vẹn chưa đầy hai trang, từ tài-liệu đến dẫn sách, đã lầm bẽ lầm bét như thế, vậy mà ông còn tự mệnh là nhà « phê-bình » bẻ từng câu văn của tôi. Ví dụ câu « Cô gái lạm đồng vì người yêu.. » (*Quang-Trung* I, trang 77), ông Ngoạn mạt-sát bảy rằng « như ngươi một người ngoại-quốc tập nói tiếng Việt nam » (*Q. G.* số 2, trang 17). Chết nỗi! Thì ra ông Ngoạn còn nông-nổi quá! Đó là người ta lấy ý ở câu *Cổ văn*: « *Nữ vị duyệt kỷ giả dung* » (女爲悅己者容) nên mới đặt nó vào trong hai cái dấu ngoặc kép. Ông Ngoạn không biết, sao không đi hỏi người biết hơn đã, chưa chi đã vội bẻ lẻ!

(*Xem tiếp trang 13*)

Các nhà văn phải để ý đến chính tả

Từ-ngọc

Một bài văn bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, dù có giá-trị đến thế nào, mà viết sai chính-tả, cũng bị người ta khinh là dở và không đáng để lọt vào mắt độc giả.

Chính chúng ta học học chữ Pháp, cũng rất thận-trọng đến chính-tả, khi nào viết cũng để ý đến từng chữ. Ấy thế mà khi viết văn quốc-âm, thì thường cẩu thả vô-cùng.

Không kể chỉ những bài văn, những quyển sách không có giá-trị; ngay đến những tác-phẩm, những tạp-chí được cả quốc-dân tán-thưởng, ta cũng thường thấy những lỗi rất to.

Thí dụ, ở trước mắt tôi quyển *Trai nước Nam làm gì* của Hoàng Đạo Thúy, quyển *Nam-Hoa tự-điển* của Nguyễn-Trần Mô. Tôi muốn kể dẫn hai quyển đó là vì quyển thứ nhất do một người tôi rất cảm-phục viết, còn quyển thứ hai là quyển đã giúp tôi rất nhiều. Quyển *Trai nước Nam làm gì* được mọi người đều công-nhận là một quyển có ích trong những quyển xuất-bản gần đây. Ấy thế mà, khi giở ngay trang nhất, ta đã thấy ba lỗi: « nồi *giậy* », « *giẹp* được nó » « ái *sác* »; từ trang sau, cũng nhiều lỗi như thế. Không những ở bản in lần đầu, mà ở bản mới in lại, cũng lại vẫn còn nguyên những lỗi ấy.

Tôi thú thực, khi thấy những lỗi to như thế trong một quyển sách do Hoàng quân viết, tôi rất ngạc-nhiên, vì tôi không ngờ một người giỏi sự cẩu-thả như Hoàng-quân mà lại để lại nhiều lỗi trong những trang mình viết như vậy! Tôi sở-dĩ nói đến, là vì mong ở Hoàng-quân sự hoàn-toàn.

Còn như quyển *Nam Hoa tự-điển* thì cứ mỗi trang ta có mấy lỗi: ông Nguyễn-Trần Mô thường thường xáo-lộn những vần *d, gi* và *r*, thí-dụ « *giải* », « *giảng* » (trang 7); « *rã* », « *riệc* » (trang 9). (Nhân đây, tôi xin kể một điều làm tôi rất nực cười trong khi lọc quyển tự-điển Nam-Hoa ấy, là ở giữa những tiếng ta, tác giả thỉnh-thoảng chêm vào một chữ Pháp không có ích-lợi gì, thí dụ, liệt et là ở trang 27, yêm ou yêm, ở trang 18. Âu cũng lạ là một sự cẩu-thả!)

Đấy là nói về sách, còn ở báo-chí, thì hằng ngày ta cũng thấy biết bao nhiêu lỗi; giở một tờ tạp chí phía Bắc thì thỉnh-thoảng lại thấy một lỗi về *ch, tr*; *s, x*; *d, gi, r*; mà giở một tờ báo phía Trung và phía Nam thì cứ mỗi một là hàng chục lỗi về dấu hỏi, dấu ngã; hoặc về *ac, at*; *an, ang*, vân vân...

Tôi cũng hiểu rằng những lỗi địa-phương ấy do ở tập-quán mà ra, nên rất khó sửa. Nhưng đã là con nhà văn, tức là người đã lĩnh một cái sứ-mệnh thiêng-liêng, thì mỗi khi viết cần phải đắn-đo từng chữ. Phương-chi nay đã có những quyển tự-điển tạm dữ dùng như quyển *Việt-Nam tự điển* của hội Khai-trí tiến-đức, và quyển *Việt-Nam chính-tả tự-vị* của Lã Vĩnh Lợi (1)); mỗi khi mình không chắc-chắn về một chữ mình viết, thì giở tự-điển hay tự-vị ra tra, phỏng có khó gì?

Ta chớ nên tưởng rằng: ta đọc thế nào viết thế ấy, là đúng, vì trong nước ta, mỗi nơi nói không về một phương-diện: như ở Bắc thì đứa trẻ nhỏ cũng phân-biệt dễ-dàng dấu hỏi, dấu ngã, mà ở Trung và Nam thì thực là một vấn-đề rất gay-go cho các nhà văn. Trái lại, vần *tr, ch* và *s x* thì người Bắc không thể phân-biệt khi nói chuyện được, mà người Trung, người Nam lại tưởng rằng, không bao giờ người ta có thể lầm lẫn những vần ấy được. Còn như những vần *d, gi* và *r* ta chớ nên tưởng rằng ông Alexandre de Rhodes bịa ra sự phân-biệt để làm khó dễ cho ta; không! Ở vùng Nghệ, Tĩnh, có mấy làng đọc được rõ ràng ba vần ấy, không sai lộn bao giờ.

Vậy thì muốn nợp-nhất Việt-ngữ, ta phải để ý đến chính-tả đã. Con nhà văn ba kỳ phải cho sự viết đúng chữ quốc-ngữ là một bổn-phận thiêng-liêng mới được.

Nhân nói đến chính-tả, tôi xin bàn đến mấy điều hiện còn rất lộn-xộn trong cách viết của các nhà văn: một là cái gạch ngang, hai là cách viết tiếng danh-từ riêng; ba là một số chữ viết lọn vì lơ lớ giống nhau.

1) *Cái gạch ngang*

Tiếng ta là một tiếng đơn âm, nhưng có nhiều chữ ghép như *thần lần, đạo đức, đào để, ép*

ung, bẽ-bàng. Những chữ ghép ấy cần phải có một cách gì phân-biệt với những chữ rời : Đã có người bắn tên viết liền với nhau như trong một tác-phẩm của ông Phùng Tất-Đắc ; nhưng nghe chừng ít người muốn theo cách đó. Vậy thì trước khi tìm được cách khác ổn-thỏa hơn, cần phải giữ cái gạch ngang, cho tiếng nước mình thêm tinh-tế. Những người bắn bỏ cái gạch ngang đi, chỉ tìm một cách giải-quyết dễ-dàng nhất, nhưng không được thỏa-đáng.

2) *Cách viết tiếng danh-từ riêng.*

Danh-từ riêng chỉ tên người và tên chỗ.

Tên người thì chia hai phần : một là họ, hai là tên. Họ hay là tên có khi có tiếng ghép, vậy khi viết phải phân-biệt rõ-ràng : Như Nguyễn Bỉnh-Khiêm, thì Nguyễn là họ, Bỉnh-Khiêm là tên, ta phải viết gạch ngang giữa chữ Bỉnh và chữ Khiêm, chứ đừng để gạch ngang giữa chữ Nguyễn và chữ Bỉnh. Lại như Tôn-thất Thuyết, thì Tôn-thất là hai tiếng ghép thành họ, ta phải đặt gạch ngang, mà Thuyết là tên, phải viết rời ra. Còn những người họ và tên không có chữ đệm, như Nguyễn Huệ, thì hai chữ ta cùng phải viết hoa không có gạch ngang. Những tên tự và tên hiệu, thì phải có gạch ngang, nhưng chỉ chữ đầu viết hoa mà thôi, như Tố-như, Ức-trai, Hưng-đạo, Thánh-tông...,

Còn tên chỗ thì cũng chỉ chữ đầu là viết hoa, còn chữ sau, hoặc những chữ sau, viết thường, và đều có gạch ngang : Thừa-thiên, Hi-mã-lạp-sơn.

3.) *Một số chữ thường viết lộn.*

— Người phía Bắc thường viết lộn những chữ này :

— *mấy* (mấy người) lộn với *mời* (mời đến), lộn với *với* (với nhau) ;
— *đều* (đều nhau) lộn với *điều* (điều lỗi) ;
— *hươu* viết ra hiêu ;
— *cừu* viết ra kiu ;
— *chẳng* viết ra chả ;
— *ruộu* viết ra riệu ;
— *bảy* viết ra bẩy...

— Người phía Trung và phía Nam thường viết lầm những chữ này :

— *chiều* (chiều mến) viết ra chiu ;
— *này* viết ra nầy ;
— *thày* viết ra thầy ;
— *luồn* (luồn cúi) viết ra lòn ;
— *cộng* (cộng trừ) viết ra cọng
— *nhà* (nhà cửa) viết ra dà ;
— *về* viết ra dề...

Những cách viết như thế, ta phải nhận là lỗi, dù ngày nay chung quanh ta đều đọc sai, dù từ lúc thơ ấu ta vẫn nói lầm. Nếu không, thì đừng nói đến hợp nhất nữa ! Đã hợp-nhất thì phải cùng viết như nhau. Người xứ Provence, người xứ Bretagne khi viết tiếng Pháp có viết khác người ở Paris đâu nào ? Trừ khi họ muốn dùng một chữ hoàn-toàn địa-phương, thì họ viết ngả, hoặc viết giữa hai cái ngoặc kép.

Vốn bài này, tôi mong các nhà văn ba kỳ một sự cố-gắng : mỗi khi cầm quản-bút viết, ta nên coi chính-tả là một việc quan-hệ trong nghề làm văn của mình.

Tôi lại yêu-cầu các nhà xuất-bản và các ông chủ-báo nên để tâm đến vấn đề đó. Trước kia ở bên Pháp một ông chủ một tờ báo thấy các nhà văn cứ hay lầm mấy chữ « rien moins que » với mấy chữ « rien de moins que ». Ông ấy ra lệnh cho anh thợ xếp chữ rằng : thì nào ý trong câu có nghĩa là « không một tí nào » mà thấy « rien de moins que » thì cứ tự tiện bỏ chữ « de » đi ; trái lại, nếu nghĩa trong câu là « thực là có » mà thấy « rien moins que » thì cứ tự tiện cho thêm chữ « de » vào ».

Kể ra cách chữa ấy rất nguy hiểm, vì nếu anh thợ xếp chữ không hiểu được câu văn, thì có thể làm sai ý của tác-giả.

Nhưng ở bên ta, thiết tưởng lối ấy rất có hiệu quả : nếu ở Bắc, nhà in mượn một người chữa bản in người Trung-kỳ và cho người ấy phép tự-tự-ý chữa những chữ có vần *tr, ch ; d, gi, r*, thì có lẽ bỏ được nhiều lỗi của nhà văn. Còn ở Trung và Nam thì nên dùng một người chữa bản in người Bắc và ra lệnh cho người ấy tự-ý sửa dấu hỏi, dấu ngã và các vần cuối chữ như *uc, ut, un, ung*... Có lẽ đó cũng là một cách trừ bớt lỗi cẩu thả. Phương pháp ấy, tôi xin trân-trọng hiến các ông chủ nhà in, nhà xuất-bản và nhà báo.

Song, nếu cả nhà văn tự mình bắt-buộc mình phải viết chữ quốc-ngữ cho đúng, có phải giản-tiện biết bao !

Từ-ngọc

---

1) Trong quyển này, ông La Vĩnh-Lợi viết giòng nước, giòng chữ. Nhưng thực ra, phải viết : dòng nước, dòng chữ, còn giòng thì dùng trong những chữ : giòng trâu, giòng thuyền. Về hai chữ này, tôi đã có bàn trong Tao-Đàn số 5, ngày 1-5 1939

Hội Khuyến học Cần-thơ

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG THỦ KHOA NGHĨA (1)

Nguyễn văn Kiết, chủ tịch ủy ban văn chương của hội K. H. C. T.

L. T. S. — Đêm 24 janv 1944, hội Khuyến học Cần thơ đã làm lễ phát giải thưởng văn-chương Thủ-khoa Nghĩa năm 1943 rất trọng thể. Kết quả : quyển Dòng quê *của ông Phi Vân được giải nhất ; quyển* Truyện năm người thanh-niên *của ông Nguyễn Ngọc-Tản được giải nhì.*

Tri-Tân xin thành thực mừng hai nhà văn đã trúng thưởng và Hội Khuyến-học Cần-thơ đã hái được kết quả mỹ mãn trong cuộc thi này.

Dưới đây, xin trích đăng tờ trình về việc chấm thi, của giáo sư Nguyễn văn Kiết để cung chút tài liệu vào « cuốn sổ » văn học 1943 1944.

(... Lược...)

Chúng tôi rất vui mừng thấy văn-nhân Nam-kỳ không phụ lòi kêu gọi của hội Khuyến Học Cần thơ và đã gởi đến dự thi cả thảy là 28 bảo cảo, trong ấy có 1 tập vận-văn, 15 quyển tiểu-thuyết, 5 quyển chuyện ngắn, 1 quyển phóng-sự, 1 quyển ký sự, 3 quyển nghị-luận, 2 quyển khảo cứu. Trừ ra tập vận-văn chúng tôi không đọc đến chiếu theo điều lệ đã định trước — Còn lại bao nhiêu chúng tôi đều xem xét kỹ lưỡng, theo một biểu phân điểm tỏ-tường. Chúng tôi cố ý cho phần nội-dung trội hơn phần hình thức, vì một quyển văn chương hay — theo chúng tôi tưởng — chỉ được thưởng-thức nhứt thời ; mà một tác phẩm được trường cửu là nhờ tư-tưởng mới mẻ, cao-siêu, nhờ quan sát tinh-tường thấu-đáo. Độ là chúng tôi không kể cách cấu-tạo quyển văn, để cho mỗi giám khảo tùy tiện mà phê-phán.

***

Trong 28 quyển đã xem qua, chúng tôi ít thấy quyển nào được hoàn-toàn về nội-dung và hình thức.

(... lược...)

Có vài quyển tâm-lý tiểu thuyết được chúng tôi để ý : tác-giả đặt những thanh-niên chí-khí và hiếu-học vào cảnh gia-đình và xã hội hiện thời, rồi cố miêu-tả sự phản động trong tâm-hồn của họ. Đề mục có phần mới mẻ — khác với *Một người* của Lê-văn Trương — và nếu diễn tả khéo, có thể tạo nên những nhân vật tiêu-biểu cho hạng thanh-niên bất mãn trong xã hội Việt-Nam ngày nay. Nhưng tiếc thay, tác giả kể việc nhiều hơn về người trong những công việc làm ; tiểu-thuyết cơ-hồ như một bài ký-thuật, mà trong đó có nhiều đoạn nghị-luận dài dòng, sai sự thật, và không quan-hệ đến vấn đề.

Một quyển thuộc về loại xã-hội tiểu-thuyết, vì nó cố ý lật bề trái của xã-hội Việt-Nam cho ta thấy trong bóng tối một lớp người, nào trai nào gái, nào lớn nào nhỏ, đều là nạn-nhân của hạng tai mắt giàu sang. Câu chuyện giản-dị, đầy hoạt động, bao gồm nhiều thảm-trạng bi tình ; nhưng trong ấy có nhiều chi tiết không đúng với sự thật và nhiều nhân vật có những nói-năng cử-chỉ trái với tính khí của một người Việt-Nam. Đọc quá, chúng ta như đã phảng-phất thấy rồi trong những tiểu-thuyết Pháp

Chuyện ngắn có lẽ còn kém hơn tiểu-thuyết. Phần nhiều là những câu chuyện sáo về ái-tình, viết để giải buồn, hoặc những chuyện lấy trong cuộc hoạt động hằng ngày, mà sai với thực-tế.

(... lược ...)

Loại nghị-luận và khảo-cứu cũng không làm cho chúng tôi được thỏa-mãn hơn. Tư tưởng hoặc quá cũ-kỹ hoặc quá duy-tâm, cả thảy đều không bổ-ích, không ứng-dụng. Một quyển viết trội hơn hết, có nhiều kiến thức mới mẻ, tầm nhuần một giọng thật-thành. Nhưng cách trình bày lố lăng lộn-xộn ; nhiều đoạn dòng-dài kể-lể, làm án mất yếu điểm của vấn-đề và độc-giả khó lòng lãnh-hội được đại-ý của tác-giả.

***

Về mặt từ-ngữ, trong các loại kể trên, không quyển nào được mỉ-mãn. Phần nhiều họ không hiểu chắc nghĩa của những chữ kép và không biết phân biệt những tiếng « nói đớt » theo giọng Nam-kỳ với những tiếng không « nói đớt ». Cho nên nhiều chữ họ viết sai ; ví dụ : « khả *vã* », thay vì khả giả ; « *Quán* lạ », « qui quá », « đùa rỡn » thay vì hoán lạ, quí hóa, đùa giỡn v.v... Cũng bởi không hiểu thấu đáo nguồn gốc mỗi chữ, nên họ dùng chữ rất sai, làm cho trong một câu nói ra hai ý tương-

phản, ví dụ họ viết : «vốn có một bộ óc *tự lập*... chàng rất *ỷ lại* nơi sức mình. Hoặc họ ghép một chữ Nam với một chữ Tàu làm ra một tiếng kép quái-dị : Trong *mai hậu* đêm *u tối*, tánh-cách *riêng-biệt* v.v...

Và cú-pháp, chúng tôi thấy phần đông tác giả chịu ảnh hưởng pháp-văn, nên họ viết ra nhiều câu mất hẳn tinh thần của tiếng mẹ đẻ.

(... Lược...)

Một nhược-điểm nữa, là văn điệu không được duy-nhứt : Giữa những lời thanh nhã họ dùng nhiều chữ dung-phàm như : cụt hứng, tầm bậy, bật ngửa... mấy chữ ấy làm mất vẻ thanh-thoát của câu văn. Hoặc giữa giọng trang nghiêm họ dùng những tiếng bông đùa, như : «gan», «cứ», «vỗ ngực nhảy ra» v.v... *(Còn nữa)*

1) Lễ phát thưởng đã cử hành vào đêm 24-6-44, hồi 8 giờ tuối tại rạp Majestic cantho dưới quyền chủ tọa quan chánh chủ tỉnh de Montalynt ; theo chương trình dưới đây :

1 : Diễn-văn khai-mạc
của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

2 Cuộc phát thưởng :
— Lược trình chấm thi
của ông NGUYỄN-VĂN-KIỆT
— Giới thiệu tác-giả trúng tuyển
— Lời đáp tạ *của ông PHI-VÂN*

3 : Bi-kịch «Nặng-Thơ»
của TỐ-PHANG, do nhơn-viên Hội Khuyến-Học đóng tuồng.

4 : «Thi-sĩ Tản-Đà»
diễn văn của ông
NGUYỄN-VĂN-KINH

5 : Hài-kịch «Ba Tâm Hồn»,
của NGUYỄN-VĂN-MƯỜI, do nhơn-viên Hội Khuyến-Học đóng tuồng.

Hội khuyến học Cantho xin đạt để các văn hữu hay rằng giải vô chương Thủ khoa Nghĩa năm 1944 bắt đầu mở kể từ ngày đăng lời thông cáo này theo những điều kiện cũ. Xin các bạn hưởng-ứng cho đông
Hội Khuyến Học Cantho

Về cuốn « Quang Trung » I

(Tiếp theo trang 9)

Viết một bài cỏn-con mà còn đầy những lầm, những lỗi, như vậy thì còn bàn đến sử-học, đến phương pháp viết sách, đến lối hành văn làm chi cho độc-giả tức cười nữa !

Trong một thiên *lịch-sử ký sự*, điều cốt yếu nhất là ở sử liệu. Những sử-liệu tôi đã dùng để viết cuốn *Quang-Trung* ấy, ông nếu uyên bác thì xin cứ «chỉ giáo» cho, như tôi đã bày tỏ ở *Quang-Trung* I, trang 202 đó.

Còn văn-từ chỉ là phương-tiện để biểu-diễn tinh-thần : mỗi người có một lối hành văn riêng, ông rất có quyền chỉ hươu, chỉ vượn, chỉ đá, chỉ sim, nói thế nào mà chẳng được !

Nhưng, nhân tiện, tôi hằng chỉ cho ông Ngoạn thấy chỗ mâu thuẫn trong bài của ông là một điều tối kỵ trong phương pháp phê-bình đó :

Ở Quốc-gia, số 2, trang 16, cột 4, ông chê *Quang Trung I* của tôi rằng «... tài-liệu không được rồi rào» [1]. Xin lỗi ông, ông viết văn quốc-ngữ hãy còn chưa đúng kia : *đội-dào* chứ không phải *rồi rào*. — Xin coi *Chính tả tự vị* — Lã văn Lợi — tr. 65). Thế mà đến trang 17 cột 2, ông lại tự phản : «**Chúng tôi công nhận rằng ông Hoa Bằng đã dụng công tham khảo rất nhiều sách**» và «**tài liệu... nhiều...**»

Trong một bài báo nhỏ, trước sau còn mâu thuẫn là thế, ông Ngoạn còn tấp-tểnh chực nói đến phương-pháp viết sách nữa ư ?

Xin ông Ngoạn đừng quá lo. Về cuốn *Quang Trung*, tôi có thành công hay chăng, đã có bạn đọc trả lời, thời-giạn trả lời.

Bánh xe của tôi đã quay, đang quay và còn cứ quay ; tha hồ ông cứ thọc gậy nếu ông có ý. Chỉ sợ tre non, gậy gầy : ngã lại thêm phiền !

HOA BẰNG

1) Có điều hơi khác là người ta viết là Vũ trung tùy bút, nhưng ông Ngoạn chép là Lữ trung tùy bút.

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
Đại Học thư xã trình bày :
Đã phát hành : **VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**
bà Mộng Sơn viết
— Căn-cứ vào biện-chứng-pháp, tác-giả nghiên cứu về vấn-đề phụ nữ trên thực-trạng của xã-hội Việt-Nam. giá 2$50
Sẽ phát hành :
KHỔNG GIÁO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH
nghiên cứu của Nguyễn uyển Điểm giá 3$00
VIỆT và SỐNG
Bình-luận về văn chương Việt-Nam hiện-đại của Nguyễn xuân Huy
VĂN CHƯƠNG và XÃ HỘI
nghiên-cứu của Lương đức Tiếp
Còn một ít : **MẸ TÔI** *tiểu thuyết trọn lọc*
của Nguyễn khắc Mẫn. — *Giá 3$80*
ĐẠI HỌC THƯ XÃ *181, Henri d'Orléans Hanoi*
Boite postale N° 9 Gửi ngân phiếu : LÊ-MỘNG-CAU

Phê bình thơ bà Huyện Thanh Quan :

Qua Đèo Ngang

Tây-sơn ra Bắc hà
Chúa Trịnh tan, nhà Lê đổ. Vua Chiêu Thống trốn sang Tàu. Nước ta trong cơn nguy biến, trước cảnh tang thương một lần đá, một bức tường, một con sông, một khoảnh đất đều có thể gợi lòng ưu-ái cho khách qua đường. Bao nhiêu lời than-van của ngòi bút các danh nhân lưu lại hậu thế đều vết điêu tàn của thời đại.

Đèo Ngang, chia đôi tỉnh Hà-tĩnh và Quảng bình trên con đường quan lộ. Đó cũng là một dấu tích của triều đại cũ (Nhà Lê ; bà sống về đời Nguyễn) Trước cảnh này, ai mà chẳng cảm động.

Trong cảnh ngộ, bà Thanh Quan đã gửi tâm hồn vào trong 56 chữ của bài đường luật.

Bước tới Đèo-Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ (1) mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia
Dừng chơn đứng lại, trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Ngòi bút nghiêm trang, bà tả một mối buồn la láng trước cảnh oai nghiêm hùng vĩ của Tạo hóa và trong cái buồn ẩn một mối tình thương nước tâm hồn chung của dân thời bấy giờ

Đèo ngang không phải là cảnh khô khan vì có « cỏ cây chen lá, đá chen hoa », có « tiều vài chú » có « chợ mấy nhà » ! Nhưng cái cảnh mênh mông hùng vĩ : trời, non, nước, đã thu cái cảnh nhỏ nhen kia vào trong, cũng như lòng « thương nhà » đã nhường cho lẽ « nhớ nước ». Cảnh đẹp đến cực điểm, thu cả Tổ-quốc, và như thôi miên ta đứng lại :

« Dừng chân đứng lại trời, non, nước.»

Trời non nước, là quê hương, là tất cả.

Tác giả nước cô người cũng ngâm, nhưng chỉ có một mình :
Một mảnh tình riêng ta với ta.»

Bà rất khéo, trong cả 8 bố cục. Từ cái yêu đi tình bà đưa tới cái yêu quê hương.

Trong bài, bà cân phân từng câu, từng tiếng, cho lời hợp với ý.
« Bước tới Đèo ngang bóng xế tà »

Với tám chữ bà chỉ rõ giờ buổi, cảnh vật bà tả.
« Cỏ cây chen lá đá chen hoa »

Ta thấy quanh Đèo ngang nào cỏ cây hoa đá chen nhau, nhưng cái chen lộn đó đường như theo âm luật câu thơ.

Cỏ	*cây*	*chen*	*lá*	*đá*	*chen*	*hoa*
o	a	e	a	a	e	o
1	1	1	1	1	1	1

Đó là trên đèo ; dòm xuống sườn núi, vài chú tiều chăm chú, mệt-nhọc làm việc lẽ-loi trong cụm rừng. Và, xa hơn nữa ; bên kia sông, một cái chợ gồm mấy nhà. Thiệt là một cảnh không phải không người, nhưng rời-rạc, lãnh đạm với nhau.

Còn trên rừng thì :
« Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
« Thương nhà mỏi miệng cái gia gia »

Tác-giả kết lại bốn phong cảnh bằng cái nhớ và thương của *quốc* và *gia*.

Riêng tâm hồn người trong cảnh thì man mác như : trời, non, nước nhưng lẻ loi như cái tôi và tôi.

Tác-giả đương nhanh bước, bỗng chậm lại :
Dừng chân đứng lại trời, non, nước.»

2 2 1 1 1

Âm điệu đi đôi với tâm-hồn tác giả, thư, thả về trước, càng lâu càng thắc mắc rồi tới chót đi một mạch như cái thở của người đau khổ, một cái thở gót mắc.
« Một mảnh tình riêng ta với ta »

2 2 1 1 1
a ơi- a

Tám câu thơ, ngòi bút của bà Huyện Thanh-Quan đã đạt tới tuyệt điệu về nội dung và hình thức. Mỗi chữ là một ý-tưởng, không chữ khô, không điển mắc, mà lời du dương và nghiêm nghị, đáng là một áng văn tuyệt tác.

VIỆT-LAN (*Batri*)

---

1) L.T.S. — *Có lẽ chữ « rợ » đáng hơn. Vì câu thứ ba này tác giả muốn nói : bên sông, có thưa thớt mấy nhà của người mọi « rợ ».*

Giá báo

1 năm	20$00
6 tháng	11,00
3 tháng	6,00
Mỗi số	0,50

Văn học Việt-nam hiện đại

BA NGƯỜI THỢ CÀN MẪN

Số 1

LÊ-THANH

Chắc có người bảo: từ Lý, Trần, nước ta cũng nhiều phen độc lập, nhưng chỉ độc lập về chính sự, còn về tinh thần hình như lúc nào cũng phải chịu sự Đô-hộ của người Tàu. Mình học sách Tàu, thì cứ theo thể cách của người Tàu, thành ra cái hồn ngoài người mình là người Việt-nam, cái óc lại là cái óc người Tàu. Tuy nhiên, lịch sử đã chứng rõ rằng mỗi khi nước mình mạnh, hoặc vì một sự đè nén nào, cái tư tưởng về quốc-gia mạnh, thì người mình lại có ước vọng thoát ly sự đô-hộ về tinh thần ấy. Sự ước vọng ấy cũng ở trong phạm vi quốc-gia.

Tôi cũng công nhận như vậy, tôi cũng biết mỗi khi mình có cái ý thức rõ rệt rằng mình cũng là người một nước, mà mình lại cứ đi học để làm người một nước khác, lấy con tinh thần của một nước khác, thì mình lại muốn tự gây lấy một nền học văn hoàn toàn của mình. Những đó chỉ mới là những ý muốn, tiềm tàng trong thâm tâm chứ chưa đem ra thực hành, hoặc có được thực hành thì cũng rất rẻ. Ta chưa hề có những nhà chính trị, những nhà văn hô hào gây lấy một nền học văn riêng của mình, công nhiên, hô hào bằng cách viết báo, diễn thuyết, đem vào trí óc mỗi người cái quan niệm rõ rệt rằng mỗi người đều có cái bổn phận giúp vào sự gây dựng nên học văn và cái văn tự của mình.

Ta phải chờ đến lần cuối cùng, từ 1907 mới có những người — như trên đã nói ở đó, Ngô Đức Kế, Phan-Châu-Trinh, Nguyễn khắc-Hiếu — đứng lên thiết thà kêu gọi đồng bào hãy gánh vác lấy cái bổn phận ấy, cái bổn phận ấy cũng tức là cái bổn phận gây dựng nên quốc gia của mình vậy.

Ô. Nguyễn-văn-Vĩnh (1)

Nguyễn-văn-Vĩnh tiên sinh xuất thân ở Tây-học, nhưng chịu ảnh hưởng rất nhiều của Hán-học suốt đời, khi làm nhà báo, khi làm nhà văn, khi làm nhà chính trị, thế nào tiên sinh cũng tận tụy vì một lý-tưởng: mưu sự tiến-hóa của dân-tộc Việt-nam.

Sinh vào cuối thế kỷ thứ XIX, khi tiên-sinh biết đem con mắt ra nhìn đời thì quanh quẩn toàn một cảnh điêu tàn đổ nát. Cũng như Trương-vĩnh-Ký trong Nam-kỳ, tiên-sinh biết rằng trước cảnh ấy chỉ còn có một con đường để theo, hợp tác với người Pháp để gây sự Phục-hưng cho quốc-gia. Mà muốn phục-hưng quốc-gia trước tiên phải lo việc giáo-dục dân. « Một dân-tộc thái bộ có đến chín mươi chín phần trăm thì còn có hi vọng ngóc đầu lên sao được ». Vậy muốn cho nước mạnh, cần phải lo việc giáo dục cho dân, để cho mọi người một cái lợi khí thông cảm thiết, gây cho mọi người cái tinh thần quốc-gia, đều cốt từ của sự sinh tồn của quốc gia.

Nhưng muốn thực hành cái chương-trình giáo dục, phần quan trọng của cái chương-trình phục-hưng quốc-gia ấy, mình phải có phương-tiện truyền bá tư tưởng. Khốn nỗi, từ trước nhẫn đây mình chỉ ra công đi học nhờ và lại đi học nhờ chữ Hán là một thứ chữ khó học khó-sành thì mất đã mới, trán đã nhẵn, không còn thì giờ dàng nữa.

Trước cái hiện trạng ấy, tiên sinh cũng lên tổ động, việc đem chữ quốc ngữ thay vào chữ hán, gây chữ quốc ngữ thành một « quốc ngữ chính thức ».

« *Nước Nam ta mai sau này hay dở là ở nhờ chữ quốc-ngữ* » đó là lời nói tâm huyết của tiên sinh, đó là kim chỉ nam dùng để dẫn đường trong bất cứ một công việc nào của tiên sinh.

Năm 1907 tiên sinh cùng đồng-chí lập tờ *Đông kinh nghĩa thục*, mà một mục đích ta chính là truyền bá chữ quốc ngữ.

Cũng năm ấy, ông bước chân vào làng ngôn luận, với cái trọng trách chủ-bút tờ *Đăng cổ tùng báo*, tờ báo viết bằng quốc văn thứ nhất của Bắc-kỳ số đầu xuất bản ngày thứ năm 20 mars 1907.

Trong bài tuyên ngôn, ta không thấy tiên sinh phác ra một chương trình nhưng đọc qua tập báo ta nhận thấy, tiên sinh có một chương-trình rõ rệt:

— Nâng cao trình độ dân trí bằng cách đem cái học thái-tây phổ thông trong đám dân-gian.

— Cổ động sự học chữ quốc ngữ.

Muốn thực hành được phần thứ nhất của chương trình trước hết tiên-sinh tìm cách đả đảo cái lối học cổ hư, học để đi thi, đem thay bằng cái học thực dụng. Trong một số báo, nhân bàn về vấn đề « duy tân » tiên sinh viết :

« Người nước Nam được một cái lạ là cứ được đọc sách ngâm thơ là sướng, hiểu hay không hiểu không cần. Từ người kể truyện *Nhị độ mai* cho đến ông bình văn chỉ cốt có dọng mà thôi. Thế mà đọc đi đọc lại hàng trăm bảy mươi lần cũng không biết trán. Đọc quá đến thuộc lòng, nhưng thuộc cũng vì như con yểng, cũng như cái máy thu thanh, lắp đi lắp lại mãi cho quen miệng chớ không phải tại nghĩa lý in vào trí mà thuộc.

« Kìa như trong sách cho (2) bao nhiêu là câu hay, mở sách ra trang nào trang ấy là có điều hay cả ; giá thiên hạ cứ để bụng, lấy làm hay mà nhớ, nhớ rồi theo mà làm, thì nước Nam làm chi đến nỗi thế này. »

(Đ.C T.B. ngày 8. 8. 1907)

Tiên sinh đem những ý-tưởng có trong sách thái tây ra hoặc bàn luận rộng, hoặc dịch bản cho đồng bào xem.

Cũng trong phạm vi chương trình ấy, ngày tiên-sinh cùng mấy đồng chí hô hào lập một cái hội dịch sách. Ngày chủ nhật 4 Août 1907 tức là ngày 26 tháng sáu năm Thành Thái thứ 19 hội này họp lần đầu tiên ở Hội quán hội Trí Tri Hà-nội, có đến ba trăm người đến dự. Quan hiệp-biện Đỗ-văn-Tâm làm trưởng hội-đồng Nguyễn-văn-Vĩnh có đọc một bài diễn văn giải bày tỏ mục-đích và cổ động cho hội.

« Ở thế gian này, xem trong các nước phàm nước nào đã gọi là nước văn minh là có văn-chương cả, tiếng nói thế nào chữ viết như thế. Mà cái văn minh người ta cũng ở đó mà ra, vì chữ có là ảnh tiếng nói thì mới dùng để chuyền sự hay đi trong nước ai ai đều học được cả...

(Còn nữa)

LÊ-THÀNH

---

(1) Ông Nguyễn văn-Vĩnh, sinh ngày 30 tháng tư năm Nhâm ngọ (1882) ở Hanoi, quán làng Phượng-vũ, phủ Thường-tín, tỉnh Hà đông. Năm 14 tuổi, đỗ tốt-nghiệp trường Thông-ngôn cũ, thoạt kỳ thủy bổ làm thư-ký tòa sứ Lào kay, sau đổi xuống tòa-sứ Kiến-an (khi ấy còn ở Hải phòng), rồi sang tòa-sứ Bắc-ninh và về tòa Đốc lý Hà-nội. Năm 1906, ông đi cuộc đấu-xảo Marseille, khi trở về thì ông xin từ chức nhà nước, lưu tâm về đường doanh nghiệp : cùng ông Dufour mở cái nhà in thứ nhất ở Hà-nội.

Năm 1907 ông đứng làm chủ bút Đăng cổ tùng báo ; năm 1908 mở tờ báo tây Notre journal và năm 1909 mở tờ báo tây Notre revue do ông làm chủ nhiệm và chủ-bút ; năm 1910, ông vào Nam kỳ làm chủ bút Lục tỉnh tân văn do ông F.H. Schneider sáng lập. Năm 1913, giữa khi xảy ra việc ném bom Hanoi Hôtel, ông đứng làm chủ bút Đông dương tạp chí.

Năm 1916, trong Đ.D.T.C., ông gọi cùng ông Trần trọng Kim mở ra tập Nam-học niên-khóa để cho các trường có đủ tài liệu dạy học trò và đặt ra phương pháp mới dạy quốc ngữ

Năm 1919, ông thay ông Schneider làm chủ nhiệm báo Trung bắc tân văn và đổi Nam-học niên khóa làm Học-báo.

Năm 1922, ông dịch Les misérables của Victor Hugo đăng báo T.B.T.V, luôn mấy năm mới hết.

Năm 1927, ông khởi xướng vấn đề cải cách chữ quốc ngữ, lấy năm chữ thay cho năm dấu. Cũng hồi ấy ông cùng ông Vayrac đứng chủ trương thư viện Âu-tây tư tưởng.

Năm 1931, ông cùng mấy bạn đồng chí mở ra báo l'Annam nouveau, ông viết nhiều bài về chính trị rất hăng hái.

Ông tạ thế ngày 2 Mai 1936 tại Tchepône (Ai-lao).

« Năm 1906, tôi được cử vào phái-bộ sang dự cuộc đấu-xảo Marseille. Gian hàng của Bắc kỳ đựng ở liền gian hàng của báo Le Petit Marseillais. Ông chủ tờ báo ấy... muốn làm quảng cáo cho báo mình, đã khuân cả cái tòa báo vào trong trường đấu xảo ; xưởng máy, tòa soạn, tòa trị sự, đủ cả. Hằng ngày, tôi thấy cái cảnh hoạt động trong tòa báo ấy mà thèm : máy chạy ầm ầm, phóng viên đi lấy tin tấp lới. Tôi thấy như tôi đâm mê về cái nghề làm báo. Cả ngày tôi sang lân la hỏi hết cái này đến cái nọ. Ông chủ báo ôn tồn giảng giải cho tôi rất tử tế. Tháng Février năm 1907, tôi về nước đem chuyện lăm báo nói với ông Đỗ Thận, ông này khi ấy đang làm cho ông Schneider chủ nhà in.

Sau một cuộc thương thuyết, giữa ông Đỗ Thận và ông Schneider, mà kết quả là ông Schneider quyết định đổi tờ quan báo Đại Nam đồng văn nhật báo ra làm Đăng cổ tùng báo

«Một giờ với ông Nguyễn văn Vĩnh»

Tin-văn số 1 ngày 28-7-1935

(2) L.T.S. — *Ngờ là chữ « nho »*

Cải chính

Đặc sản về cổ đạo lập hai ở trang 4 bài « Kẻ sĩ », cột 1 giòng 10 : Lý nhân tông (1072-1127) in nhầm là Lê Nhân tông, nay xin cải chính. T.T.

Một quyển Xã-hội Việt-nam
(Tiếp theo trang 3)

chữ « vật » ấy khác nhau : một đằng là con vật, một đằng là đồ vật !

Còn nhiều chỗ sai nhầm, như trang 45 nói Sĩ-Nhiếp « tự tiện chiếm đất Giao-châu, làm lãnh thổ của mình », là nghe lời truyền khẩu, chứ không có sách nào chép như thế : các sách đều chép Sĩ-Nhiếp có công đức với dân, nên dân tôn làm « Sĩ-vương ».

Cứ như thế, thì quyển *Xã hội Việt nam* này hơn 400 trang nếu chữa tất cả thì phải viết đến 800 trang, nay cụ dẫn vài bốn câu như thế, độc-giả cũng biết cái giá-trị quyển sách ấy là thế nào. Không những là không ích gì, mà lại hại thêm vì nói xấu người đời xưa, nói phạm đến bậc anh-hùng hào-kiệt, dẫn chữ Tàu chữ Tây đều sai cả. Thiết tưởng sách như thế, mà để những chữ to-tát như « Tân văn hóa » và « Xã hội Việt nam », thì thật là đúng với câu « tai lế họa tảo » (làm cho thứ gỗ lê gỗ táo là gỗ làm vạn in sách, bị tai họa lây). Thế mà lịch-sử xã-hội, ở nước ta, khảo cứu có khó gì đâu ? Nếu không tra được sách nho, thì lấy sách Tây ra mà rút lại cho thật đúng, đừng bàn luận gì ra ngoài có phải là có ích không ? Ông Lương đức Thiệp không làm thế, ông đem chế-độ dân khác gán vào dân mình, nhiều câu sai nhầm không thể tưởng-tượng được. Cũng có đoạn nghe được, như đoạn giáo-dục-tuy vẫn còn nhiều chỗ sai, như câu « nhà học tại các phố » ở trang 314 ; kỳ trước tôi đã nói : ông Lương đức Thiệp bắt chước câu ấy ở bài *Ông nghè triều Lê* mà không dẫn vào mục tham khảo ; chính câu ấy ở bài *ông nghè* là « nhà học ở các phủ ». Thế mà cuối sách có mục « tịn văn » nói « bài *ông nghè* không có ích » ! Tục-ngữ ta có những câu : vừa « ăn cháo... », « vừa đánh trống... » Có phải là làm xấu cả chữ « Tân văn hóa » và chữ « Xã hội Việt nam » không ?

***

Bổ-chính bài « Hát bội » kỳ trước

Bài phê-bình quyển *Hát bội* của ông Đoàn-Nông đăng ở *Tri-tân* số 149, trang 6-7, có hai câu in nhầm, là câu : « Mãn Thanh mất nước, thiên hạ đều đổ tội cho Từ-hi (xem quyển G. Liéson, tức Soulié de Morant, *T'sen-hsi* trong bộ *Les femmes illustres* », và câu : « Nghề hát bội của ta cũng như nghề khác, phần nhiều bắt-chước của Tàu, cứ xem mấy đoạn sử ta dịch dưới này thì biết :

Đại-Việt sử-ký cải-lương (sách viết của Trường Bác-cổ số A 1146, quyển 2 tờ 9C b) chép « trong đời Trần Dụ-tông (1341-1369) bên Tàu bấy giờ là nhà Nguyên có loạn Đỉnh-bằng-Đức, là người hát chèo đem cả nhà sang nước ta. Thượng-hoàng Trần Minh-tông cho ở. Bằng-Đức khéo làm trò leo dây, người nước ta bắt chước : trò leo dây ở đời ta bắt bầu từ đấy. »

Đầu niên-hiệu Thiệu-bảo (1279-1284) đời Trần Nhân-tông, quan quân ta đánh quân nhà Nguyên, bắt được người hát chèo là Lý-nguyên-Cát. Cát khéo hát các con hầu thầy tớ nhà quyền-hào quyền thế nước ta bấy giờ tranh nhau học tập. Nguyên-Cát đã đổi truyền cổ, như tuồng Vương mẫu hiến bàn đào. Trong ban hát có 12 người đều mặc áo cẩm-bào áo thêu, đánh trống thổi sáo, giọng hát khi cao khi hạ, lúc buồn lúc vui, thế trong truyện nước ta có hát chèo bắt đầu từ đấy (*Khâm-định Việt-sử* chính biên, q 10, tờ 15 a-b).

Trong ban hát có vợ Dương-Khương đánh phấn đóng vai Tây Vương mẫu. Cung-túc-vương Nguyên Đực (anh Trần Dụ-tông) thấy sắc đẹp, lấy làm vợ. Người đàn bà ấy đã có thai sẵn sinh ra Nhật-lễ. Vì trong truyện hiến bàn đào có ngày lễ (Nhật lễ) Vương-mẫu dâng đào, nên đặt tên là Nhật-lễ. Sau vua Dụ tông không có con giai, cho con Nguyên-Đực nối ngôi, thành ra Nhật-lễ được làm vua (1369 1370), nhưng vẫn không đổi tính nết con nhà phường chèo nên có mấy tháng các đại-thần phải đón Nghệ-tông làm vua, và giết Nhật-lễ (*Khâm định Việt-sử*, q 10, tờ 22 a b, *Đại Việt sử-ký toàn thư*, q 7 tờ 29 a-b).

Cứ như thế thì nghề hát bội của ta bắt đầu có từ đời Trần Dụ-tông (1341-1369) mà theo Tàu hẳn cả.

Ủng hộ NGUYỄN VĂN TÔ

Đã có bán :

MỘT MỐI TÌNH
Của cụ Phạm Huy Toại
Giá 3$00

Cuốn Một mối tình của cụ Phạm Huy-Toại, nguyên Bố Chánh tỉnh Sơn Tây. Phần thứ nhất là văn trước-tác của cụ, lời văn uyển chuyển, lưu loát, ý văn thâm thúy, thanh-cao. Phần thứ hai gồm có những bài dịch những áng văn thiên thu bất-hủ, trong văn-học-sử Trung-Hoa, như Quy-khứ-lai-từ của Đào Tiềm, Tiền-Xích-Bích-Phú của Tô-Đông-Pha, văn vân, có in cả chữ nho, và dịch ra thơ nôm!

Một mối tình là một cuốn văn kiệt-tác, rất hiếm có trong văn-học-giới thời nay.

BẢY BÔNG LÚA LÉP
Tức Hoa Mai số 40
của Nam Cao Giá 0$50

HƯNG ĐẠO-VƯƠNG
Tức Hoa Mai số 41
của Tiêu-Lang Giá 0$50

Nhà xuất-bản Cộng Lực
N° 9, Rue Takou Hanoi

Từ hơn năm mươi năm...

(*Tiếp theo trang 7*)

nguyên-nhân việc vị-lai. Ngài có thể nói chuyện với đấng Thượng-đế như bạn với tôi.

Một người như thế, biết trước vận-mệnh, giữ các sức mạnh có thể đàm-thoại với đấng Thượng-đế chí-tôn, cố nhiên phải được dân Mông-cổ kính sợ hết mực. Nhưng điều đáng để cho chúng ta nghĩ-ngợi là Nam-tước Ungern, một người Nga đã huy động châu Á để chống với Đức sau hiệp-ước Brest Litovsk, sau lại bỏ chương trình liên-á để phản đối chính-thể Sô-viết mới thành lập, có công lớn trong công cuộc giải-thoát nước Mông-cổ, cũng tin là có nước Agharti và tin-tưởng vào Chúa-tể Thế-giới. Hơn thế nữa, đây mới khiến chúng ta thêm kinh-ngạc, — chính Ferdinand Ossendowski(1) hình như đã được thấy cái thần-thông của Chúa-tể Thế-giới.

Bấy giờ, đầu năm 1921, thời-cục xui nên, ông đến tỉnh Narabanchi Kure, làm quen được với Jelyb Djamsrap Houtouktou. Houtouktou 2) thấy ông am-hiểu tục-lệ Mông-cổ, nhân-phẩm lại cao rất mực trọng-đãi. Một hôm, Houtouktou dẫn ông lên một căn gác, bài trí làm buồng ngủ rất lộng lẫy : đèn lồng, giường gỗ mun Tàu, cột màn chạm « lưỡng long triều nguyệt » ; trên giường có đủ màn, đệm, chăn, gối. Và trong cùng căn nhà là một cái ngai đặt trên một cái bục. Cái ngai ấy đã từng được Chúa-tể Thế-giới ngự.

(*Còn nữa*)

TAM-GIA

1) Ông Ferdinand Ossendowski là một nhà văn-hào, một nhà bác-học, đã sớm nổi tiếng là tay cự-phách về vấn-đề các mỏ than ở bờ Thái-bình-dương, từ eo bể Behring đến Triều-tiên, ông lại biết rất nhiều mỏ vàng ở Tây-bá-lợi (Sibérie). Vì vậy nên trong khi còn chế-độ Nga-hoàng, mặc dầu vốn người Ba-lan, ông lần lượt giữ những trọng-trách duy tài học ông mới đương nổi. Ông được cử làm giáo-sư viện Bách-công ở Pétrograd dạy về khoa hóa-học kỹ-nghệ Cố-vấn chuyên-môn trong Hải-quân Thượng hội nghị lúc trận đại-chiến trước bùng nổ. Cuộc cách-mệnh 1917 xong ông làm giáo-sư viện Bách-công tỉnh Omsk. Nhưng được lời mời của Kolchak, ông bỏ Omok để giữ một chân trong bộ Tài-chính và Canh-nông của chính-phủ Tây-bá-lợi. Về sau chính-phủ Kolchak đổ, ông phải trốn qua các rừng vùng Jénisséi. khiến ông có dịp viết cuốn « *Bêtes, Hommes et Dieux* » (nhà Plon xuất bản một bản dịch Pháp-văn vào năm 1924), và cũng từ đấy ông nức danh là « Lê-bình-sơn » (Robinson) thế-kỷ thứ hai mươi.

Về sau, ông trở về Varsovie, kinh-đô Ba-lan, làm giáo-sư trường võ-bị và trường Cao-đẳng Thương-mại.

Ngoài nhiều khảo-cứu khoa-học, văn-nghiệp của ông gồm mười lăm quyển, trước-tác vừa bằng văn Nga, vừa bằng văn Balan, trong ấy có những quyển : *Bêtes, Hommes et Dieux ; L'homme et le Mystère en Asie, De la Présidence à la prison ; l'Asie, l'Europe et Soviets.*

Không biết bây giờ ông còn hay mất.

2) Hobtouktou : bậc cao nhất trong tăng-lữ Lạt-ma phái, thần giáng-thế hay thánh.

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Tri-Tân đã đi được vững vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các bạn độc giả trong nước xứ. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, lúc nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Song tình-hình giấy, mực ngày một khan và đắt, sự hi-sinh của chúng tôi có chừng, mong độc giả lượng xét cho tình thế mà thể tất cho. Vậy bắt đầu từ *1er Juillet 1944*, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây :

1 năm	20$00
6 tháng	11.00
3 tháng	6.00
mỗi số	0.50

Trong lúc khó khăn này, chắc các bạn độc giả cũng chiếu tình cho và vui lòng ủng hộ tờ tạp chí văn hóa đang phải vật lộn để sống.

Kính đạt

TRI-TÂN

Hộp thư

Ô. Ích Vinh — Các số báo cũ ông mua đều hết.

T. T.

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 87

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

8. — **Lê-Dực**, người xã Bối-khê, (Đại-định), huyện Thanh-oai, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhâm-tuất, 1502. Năm bính-tý 1516 hiệu Hồng-thuận, Lê Chiêu-tông từ Thanh-hóa, chia quân tiến đánh Trần-Cảo, sai ông làm tán-lý dinh Sơn-nam, lấy lại kinh-thành Thăng-long. Làm quan đến Lại-bộ hữu-thị lang. có tiếng liết-nghĩa (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 36 a).

9. — **Đỗ-văn-Hiệu**, người xã Hữu-tiên huyện Yên-sơn, phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây (chép theo bia Văn-miếu). *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 37 a, chép là Đỗ-Văn, người xã Bạt-hữu. Năm 36 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung.

10. — **Hoàng-tử-Nghi**, người xã Công-luận, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc, (Bắc-ninh). Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 96 b).

11. — **Nguyễn-văn-Hiến**, người xã An-định (An-ninh), huyện Yên-dũng, Phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc. Năm 35 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khao 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 73 a).

12. — **Đinh Trinh**, người làng Vị-khê, huyện Thanh-lan, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Năm đinh-mão 1507 hiệu Đoan-khánh, đang chức Hàn-lâm kiểm-thảo, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phong (vua Lê Uy-mục). Năm qui-mùi 1523 hiệu Thống-nguyên (Hoàng-đế-Xuân) làm Lễ-bộ thượng-thư, hợp tử chính thì hương, ông làm đề-điệu. Dần dần thăng tước Thanh-xuyên bá, thọ hơn 80 tuổi Cổ chỉ chép ông đỗ năm 18 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam tờ 95 a).

13. — **Đào-như-Hồ**, người làng Triều-động, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 23 b).

14. — **Hoàng-Nhạc**, người làng Hoàng-xá, huyện Đông-thành, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm 25 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Trong năm đinh-mão (1507) hiệu Đoan-khánh, Làm quan đến giám-sát đô-ngự-sử, sung chức phó-sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Làm quan đến hữu-thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 33 a)

15. — **Vũ-nghi-Hướng**, người làng Đại-vi, huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 26 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-chính-sứ. Sinh ra Vũ-Thạc, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1541 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 18 b).

16. — **Bùi-Tân**, người làng Kim-bảng, huyện Thiên-bản, phủ Nghĩa-hưng, trấn Sơn-nam. đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến Hình-bộ hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 100 b).

17. — **Lê-kim-Chương** người làng Thanh-hải (Thanh-mai), huyện Tiên-phong, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 22 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-chính-sứ. Là tổ năm đời Lê-trí Bình, đỗ nhị giáp khoa 1661 và sáu đời Lê anh-Tuấn, đỗ tam-giáp khoa 1691 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 68 b 69 a).

18. — **Nguyễn-thế-Mỹ**, người làng Lương-khuê, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-tuyên-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam tờ 69 a).

19. — **Nguyễn-trọng-Hưng**, người làng Đại đồng, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (*Đăng khoa bị khảo* q. Kinh-bắc, tờ 104 a).

20. — **Bùi-doãn-Chính**, người làng Thắng-trí, huyện Bình-tuyền, phủ Phú-bình, tỉnh Thái-nguyên Năm 33 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-chính-sứ, trí-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, q, Hải-dương, tờ 99 a).

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p.00 một vé

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 58

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài nối)

Phường-bản của Quan-văn đường (tờ 45 b) và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Trường Bác-cổ, số A B 233, tờ 25 a) đều chép: « Xự xùi chàng mới thưa ngay, Đầu đuôi kể sự những ngày cầu-thân ». Kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 37 a), *Vương Kim diễn tự* (bản sao của Bác-cổ, số A B 234 tờ 12 a) và hai bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh đều chép: « Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu-thân » Kinh-bản chua rằng: « Chữ kể lại có bản viết là lại lể, không đúng »

— Các bản nôm và bản quốc-ngữ của ông Vĩnh in lại năm 1920 (trang 97) viết là: « Nàng đà tính hết xa gần »; chỉ có bản quốc-ngữ in năm 1943 (Alexandre de Rhodes, trang 358) in lầm: « Nàng đà tính trước xa gần ». Câu này là lời kể lại, nên mới nghe, ai cũng cho chữ « trước » là phải, nhưng trong câu đã có chữ « đà », tức đã, thì không cần phải chữ « trước »; và dưới có chữ « xa gần », nên dùng chữ « hết » mới xuôi nghĩa.

— Phường-bản và *Vương Kim diễn tự* cùng bản quốc-ngữ năm 1920 đều chép: « Nghe lời nói cũng thương lời, Dẹp oai mới dạy cho bài giải vi ». *Kim Vân Kiều chú* (tờ 25 a) và kinh-bản (tờ 37 a) chép là: « Dẹp oai mới dạy mở bài giải-vi ». Câu này tả thái-độ của phủ đường, nghe lời Thúc-sinh có ý thương Kiều, thì dùng chữ « mở » phải hơn; cũng có người bảo giọng quan thì dùng chữ « cho » mới đúng; nhưng câu này có chữ « giải-vi » ở dưới, nghĩa là còn phải dàn xếp, chưa thể dùng chữ « cho » được. Cứ như thế, thì các bản nôm chỉ chữa chữ « cho » ra chữ « mở », còn chữ « bài » ở dưới theo vần « lời » ở trên, thì chữa không được; thế mà bản quốc-ngữ năm 1943 (tr. 359) lại chữa là « Dẹp uy mới dạy mở đường giải-vi » ! Vẫn biết chữ « đường » cùng nghĩa với chữ « bài », nhưng cụ Nguyễn-Du không bao giờ lại làm sai vần như thế.

— Mấy bản chữ nôm và bản quốc-ngữ năm 1920 đều viết: « Khen rằng: giá đáng Thịnh-Đường, Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân! » Bản quốc-ngữ in năm 1943 (tr. 361) viết là: « Khen rằng Giá lợp Thịnh Đường » và cắt nghĩa là « trùm, hơn » (couvrir, surpasser). Kinh-bản (tờ 37 a) viết chữ « lạp »; chữ « lạp » này đọc sang chữ nôm là « lợp », hoặc « lớp » cũng được. Cụ Kiều oánh-Mậu chua « Chữ lạp đọc theo vần chữ láp », tức lớp nghĩa là trùm, và phê rằng: « Thế là quá khen, không phải giọng quan ». Kể ra theo tiếng Bắc-kỳ, thì chữ « đáng » nghe thuận hơn; còn chữ lạp mà đọc ra tiếng nôm, có lẽ là một tiếng khác, riêng ở Nghệ-tĩnh, chứ không phải chữ « lợp », chữ « lớp ».

— Các bản nôm và quốc-ngữ đều viết: « Thực là tài-tử giai-nhân, Châu-Trần còn có Châu Trần nào hơn? » Duy kinh-bản (tờ 37 a) viết « Châu-Trần lại có Châu-Trần nào hơn »; chữ « lại » kem ra tự-nhiên hơn; chữ « còn » có ý cần-kỳ, nghe giọng văn hơi ngang, không bằng chữ « lại ».

Các bản nôm và quốc-ngữ đều viết: « Ngoài thì lò lẽ (lý), song trong là tình ». Duy kinh-bản (tờ 37 b) chép: « Dẫu ngoài là phép, song trong là tình »; theo thế mới phải, vì thơ của ta có lối câu tám chữ cũng đối nhau: « dẫu » đối với « song », « ngoài » đối với « trong », « phép » đối với « tình »; nên theo kinh-bản; còn các bản kia chữ « lý » đối với chữ « tình » cũng được; nhưng chữ « trong » chữ « ngoài » không đối nhau, mà chữ « song » không có chữ đối.

— Ba bản chữ nôm đều viết « Kịp truyền sắm-sửa lễ công, Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng rưỡi sao ». Kinh-bản viết « Kiệu hoa chen gió, đuốc hồng điểm sao ». Quốc-ngữ viết « Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng điểm sao ».

***

Tri tân, số 146, ngày 15-6-1944, đăng một bài của ông Kiêm-Tử hỏi về hai câu trong truyện *Kiều*, nói những « bậc lão-thành trong nước chỉ giáo cho ». Nhân tôi viết mục *Đính chính văn cổ*, đang khảo về văn *Kiều*, nên trả lời dưới này, chứ không dám nhận là lão-thành.

Câu thứ nhất « Một mình lưỡng-lự canh chầy », nên theo nghĩa chữ « lưỡng-lự » ở *Việt-Nam tự-điển* là « ngần-ngừ không quyết »: chữ này là tiếng nôm, mượn chữ Tàu: lưỡng là hai, lự là lo nghĩ, nên có người theo nghĩa chữ Tàu cho là suy-nghĩ và nghĩ-ngợi.

Câu thứ hai « Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu », theo nghĩa của ông Vĩnh giải « nước ngâm » là nước tù, phải hơn, vì nếu chữ « ngâm » ấy là ngâm thơ, thì ở dưới không đặt được chữ « trong vắt ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 5)

(q. 57, tờ 5 a) chép : Đào-Uy làm thứ-sử được 3 năm thì mất, nay tính ra Đào Uy 3 năm mới phải.

Cứ như thế là đến khi Đào Khản sang (năm 319) thì đã hết cả 4 đời của con cháu Đào Hoành rồi.

Còn như việc Lương-Thạc đã đón Đào-Uy, sao lại tự lập làm thứ-sử, việc đó sách chép không rõ, cũng có lẽ Lương-Thạc tự lập làm thứ-sử, vì dân không theo, nên phải đi đón Đào-Uy. Sử thần Ngô-Thì-Sĩ có lời phẩm bình về đoạn ấy rằng : « Những chức thứ-sử thái-thú châu ta, từ khi thuộc Tây Hán đến mấy triều sau đều tuyển cử cẩn-trọng, chưa có người nào làm thu, cũng chưa có người nào truyền quyền, từ anh em Cố-Sâm, Cố-Thọ dở về sau đến Lương-Thạc, Đào-Uy, đều là tự-xưng tự-lập lấy, không bẩm về triều đình Tàu. »

Vậy thì những Lương-Thạc gọi là tự-xưng, chính Đào-Uy, Đào-Thục, Đào-Tuy, mấy người ấy triều-đình Tàu cũng không biết đến.

Lại còn một điều nữa, theo lối chép chuyện của sử Tàu, hễ chép chuyện người nào, thì chú trọng cho người ấy, đã cố nhiên, nhưng nếu trong ấy có chuyện người khác thì chỉ chép sơ lược thôi, hoặc lại lẫn thì dự *Tấn thư* (q. 57 tờ 6 a) chép : Ngô-Ngạn ở châu hơn mười năm, ân-uy rõ rệt, Nam châu yên ổn. Ngô Ngạn tự dâng biểu xin người sang thay. Cùng *Tấn-thư* (q. 57, tờ 5 a) về chuyện Đào Hoành, có chép Hoành mất, Ngạn thay, rồi lại chép Ngạn mất, Cố Bí thay. Cùng một quyển sách cùng chuyện một người ở trang 6a thì chép Ngạn xin người thay mà tờ 5 a lại chép Ngạn mất.

Thật là cách nhau có một trang mà còn sai nhau như thế, thì còn biết đâng nào là phải mà theo.

Ông Nguyễn-văn-Uẩn lại muốn biết từ đời Đào-Hoành (271) đến đời Đỗ-Viện (380) những ai làm thứ sử châu Giao.

Xin kể sau này. Đào Hoành 20 năm, từ 269 đến 289 cả sách Tàu sách ta đều chép, Đào-Hoành ở Nam 30 năm rồi mất, Tấn Vũ-đế cho Ngô-Ngạn sang thay, nếu tính 30 năm, thì ra mất đến năm 299, nhưng xét ra đời Tấn Vũ đế chỉ đến năm 289, thế thì phải tính Đào-Hoành 20 năm mới đúng.

Ngô Ngạn 20 năm từ năm 289 đến 309;

Cố-Bí từ năm 309 đến 310 Sử chép không được bao lâu;

Cố-Sâm từ năm 310 đến 311 sử chép mất liền.

Cố-Thọ trong năm 311. Lương Thạc cũng năm ấy.

Đào Uy vào khoảng 312, đến 315, Đào Thục, Đào-Tuy, từ 315 đến 318 Đào-Khản đô-đốc Châu-Giao từ năm 318, đến năm 323 làm thứ sử không rõ đến năm nào về Tàu, đến năm 353 thấy chép thứ-sử Châu-Giao là Nguyễn-Phu đánh Lâm-ấp, mãi đến năm 399 lại thấy chép Đỗ-Viện làm thứ sử, còn năm 380 thì Đỗ Viện mới làm thái thú Giao-chỉ

(Còn nữa)

Ưng hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Đã có bán :

ÔNG BẢNG ĐÔN

của Tiêu Đàm

Sách in đẹp : 1 $ 20.–

Còn rất ít mua ngay kẻo hết.

Trịnh-như-Luân

121 Chanceaulme Hanoi

Đã có bán

THƠ ĐỖ PHỦ

Một trong lục tài tử của Tàu · Bản dịch của **NHƯỢNG TỐNG**

Một tập thơ vĩ-đại — dày **400** trang-gồm **332** bài dữ cả điệu, đã cố vẻ lựa lọc những 40 bài hay nhất trong **1.405** bài của thi-sĩ, một thiên-tài về thơ chẳng những của nước Tàu, của châu Á, mà là, của cả thế giới của cả muôn đời. **Giá 1 $ 50**

ở Hanoi sách để bán tại,

TÂN-VIỆT, 29 Lamblot — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiển nhân tống An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân.

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Số 3

Quân bản bộ thấy tôi ra reu-rỡ mừng rỡ, tôi nhảy lên ngựa, diễu mấy vòng quanh vườn, vung kiếm múa, nhưng tôi hơi cả mắt, ngã ngựa, may Trần quý đỡ được, chứ không thì khốn. Mười hôm sau, tôi bình phục hẳn. Thì ra trong lúc tôi nằm bệnh mẫu thân đã lo liệu hết cả quân nhu, khí-giới thấy đều xung túc, lại tuyển thêm quân, lòng mẹ lo cho con thực là chu đáo...

— Mẫu thân thực là hiếm có. Hiện nay vương có bao nhiêu quân bản bộ ?

— Hai nghìn. Tôi sốt sắng là thế mà khi mẫu thân dặn việc tiễn hành, tôi không sao cầm được giọt lệ. Mẹ thì già, em trẻ dại.

Tôi lạy mẫu thân rồi, thấy các em đến chào lạy, tôi quyến luyến không nỡ rời tay. Có người gia nhân trung nghĩa là Trần-Quý, trước đã từng theo hầu phụ vương đi trận mạc, nay mẫu thân cũng cho đi theo tôi, tôi từ chối thế nào cũng không được. Mẫu thân trao thanh bảo kiếm của phụ vương cho tôi và nói: « Con ở cửa tướng, nên nghĩ sao cho không hổ tiếng cha con ». Tôi tiếp nhận chưa kịp nói thì mẫu thân tiếp ngay: « Mẹ thanh bạch, chẳng có gì cho con, chỉ có một vật mọn này con cầm lấy ». Người ban cho tôi chiếc túi này.

Chàng lấy trong bọc ra một túi gấm, mở túi rút ra một vuông lụa bạch, trên chỉ có thêu độc một chữ « Thắng » bằng chỉ vàng. An Tư lóa mắt vì ngạc nhiên. Nàng đồ là một bức thêu đẹp, vì mẹ vương có tiếng là giỏi về nghệ này. Nàng không ngờ bà lại có ý tưởng làm một bức thêu xuất ư ý ngoại ấy, kết tinh chí quyết thắng và lòng hi vọng mênh-mang. Nàng nói.

— Tôi không ngờ! Mẫu thân là một bậc đại trí, đại hiền.

— Khi trao cho tôi chiếc túi, người dặn: « Con đi nhé, mau diệt tan quân cường khấu, tấu khúc khải hoàn. Cỡ sao lập nên sự nghiệp, mẹ được thơm lây, ấy là báo hiếu. Con đi đi! » Tôi dùng dằng mãi mới lên đường, nhờ được mẫu thân dạy dỗ, nên lúc nào tôi cũng tin chiến thắng. Đoàn quân Tinh-cương của tôi cũng thế, và suốt vùng ai ai cũng cùng chung một ý nghĩ. Vì suốt từ ngày quân giặc sang xâm, thấy ai chán nản là mẫu thân khích lệ, ai nghi ngờ Quốc-công thì người giải hết nỗi nghi ngờ. Đi đâu người cũng nêu một tấm gương nhiệt thành, sáng suốt, hi sinh, và tin tưởng.

— Vương thực có phúc, được mẹ hiền. Tôi bồ côi mẹ thực thiệt thòi nhiều.

— Tôi lúc nào cũng phảng phất hình dung mẫu thân và đinh ninh nhời dặn lúc nào cũng nghĩ đến việc tận tâm báo quốc, khinh tính mệnh như lông hồng, mong không hổ tiếng mẹ không giảm thanh danh cha. Huống chi tôi mang cờ « Tinh-cương » đeo chiếc bảo kiếm này, thực không lúc nào dám chểnh mảng và ngã chí.

Chàng trỏ thanh kiếm trên kỷ. An-Tư bảo.

— Phải chăng đó là thanh kiếm của Hoàng thúc ?

— Vâng, đây là kiếm của phụ-vương, lưỡi sắc như nước. Kiếm này đã giúp phụ-vương phá quân Mông-cổ ở bên đông Bộ đầu khi xưa.

Chàng tuốt kiếm ra, lưỡi thép loáng như gương, lạnh buốt như băng giá. An-Tư và chàng tưởng tượng như trong bóng hào quang rầm rộ chảy đạo quân chiến thắng của vua Thái-Tôn thần-vũ. Một phút yên lặng, họ cùng say sưa với dĩ vãng oai hùng. Chàng trả kiếm vào vỏ.

Gió ngoài ào ào thổi như có thiên binh vạn mã. Chàng chợt nhìn công-chúa và nói:

— Có lẽ tôi phải đi. Gần sáng rồi. Công-chúa thức khuya, có hại cho ngọc thể.

— Không ngại gì. Xin vương hãy ở lại, mới vừa điểm trống canh ba. Tôi muốn tặng vương một vật mọn.

Nàng định lấy bức thêu chàng tráng sĩ, thì có tiếng giầy dép bên ngoài, và thấy tiếng gọi nàng léo xéo. Nàng tái mặt nhìn vương rồi

đất vương sang buồng bên và nói,

— Vương hãy tạm ở đây. Các chị em đến chơi...

Vương chưa kịp nói gì, thì nàng đã ra mở cửa. Những phi tần, công chúa, giả có trẻ có, vào buồng nàng hỏi thăm tin tức về tình hình quân sự. Trong suốt tám cung lục viện nàng là người biết nhiều tin quan-trọng nhất, lại là người thông minh và hiểu rõ thời cục nhất. Vả lại nàng là người nhiệt thành, không lúc nào ngã chí, nên thường thường phải trọng cẩm hay hỏi ý kiến nàng. Nhất là để tìm chút an ủi, có khi khuya nữa, thấy cửa buồng An Tư còn có ánh đèn là họ kéo vào hết chuyện.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

SÁCH MỚI

I — Làm bếp giỏi của bà **Vân Đài**. — Nhà xuất bản Phụ nữ vừa cho ra cuốn sách đầu tiên này dày 296 trang, giá 6$50.

Sách có nhiều mục dạy cách nấu ăn từ các món thường dùng tới các cao lương mĩ vị. Cuối sách có các bản thực đơn và bản kê những tiếng nam và tiếng bắc khác nhau.

Tôi công nhận rằng bà đã tốn công phu nghiên cứu mới viết nên cuốn sách ấy có ích cho hết thảy các gia đình trong nước.

Đối với các chị em tân học mà nhiều người khó tính vẫn chê là xao nhãng các việc bếp nước, cuốn « *Làm bếp giỏi* » của Bà Vân Đài sẽ là « người bạn thân » để dìu dắt các chị nên những trang nội trợ khéo-léo.

Cuốn sách hữu dụng đó can hệ mật thiết đến việc quản trị gia đình tưởng các bạn gái đương thời nên đặc biệt chú ý còn hơn các chị say đắm đọc các tiểu thuyết mơ mộng viển vông.

Xin vui lòng giới thiệu cuốn đó với các độc giả thân yêu và cảm ơn tác giả đã có nhã ý cho sách.

CÔ MAI HƯƠNG

***

II — Mẹ tôi, tập truyện ngắn của Nguyễn Khắc Mẫn, một nhà tiểu thuyết có tiếng, do Đại học thư xã xuất bản.

Xin cảm tạ nhà tặng sách và giới thiệu với độc giả cuốn sách đáng đọc ấy.

T. T.

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất-bản một giai-phẩm về mỹ-thuật
CROQUIS TONKINOIS
của Họa-sĩ MẠNH-QUỲNH
là một tập tranh vẽ thủy-mặc về phong-cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc.
Tập này khổ 26×32, có 20 bức in lên thú giấy nhung Thăng-Long chế riêng tại hãng Nguyễn quý Kỳ (làng Bưởi), in một mặt, tờ rời, đựng trong kiểu ba hộp rất mỹ-thuật, do họa-sĩ tự khắc gỗ in tay, rất công-phụ.
In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40$00 cước 2$00
Gửi giấy mua và mandat tới địa-chỉ bản-hội, 6 đường P. Pasquier giây nói số 628 (Hanoi).
« Có gửi bán và bán tại G. M. R. Taupin và IDEO. Hanoi. »

Ai cũng ham đọc
LUẬN-LÝ
DỤ-THUYẾT
YẾU-THUẬT
Giá 3$80
TÂN HIẾU KINH *Giá 1$20*
(có nguyên văn chữ Hán)
TRONG TỦ SÁCH HỌC THUẬT
QUỐC-HỌC
Thư đề cho : M. LÊ VĂN HOÈ
16 bis Rue Tientsin Hanoi

25 Juillet xô bản

VĂN MINH SỬ

Trọng bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »
của
NGUYỄN BẠCH KHOA

— Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ đời thái cổ đến hiện tại.
— Dò tìm cơ-cấu thành hình của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
— Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đông phương và văn minh tây phương.

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH
71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rộ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của biết thấy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :
Loại thường bán 6$00 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80
Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

UÂNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán :

LÒNG VÀNG

Ed dè Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20 f. cước phí không phải chịu, vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa chỉ.

Thư từ tiền nong xin đề :
ô. Nguyễn văn Minh
Hiệu Quảng vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi
Haiphong, 51 — Doumer — Haidương Kinh môn, phố Văn Tân

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phương
Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi